

16. 556



Anh hùng

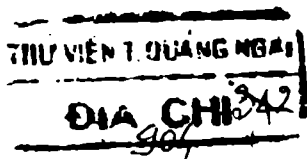
TRƯỜNG BÌNH



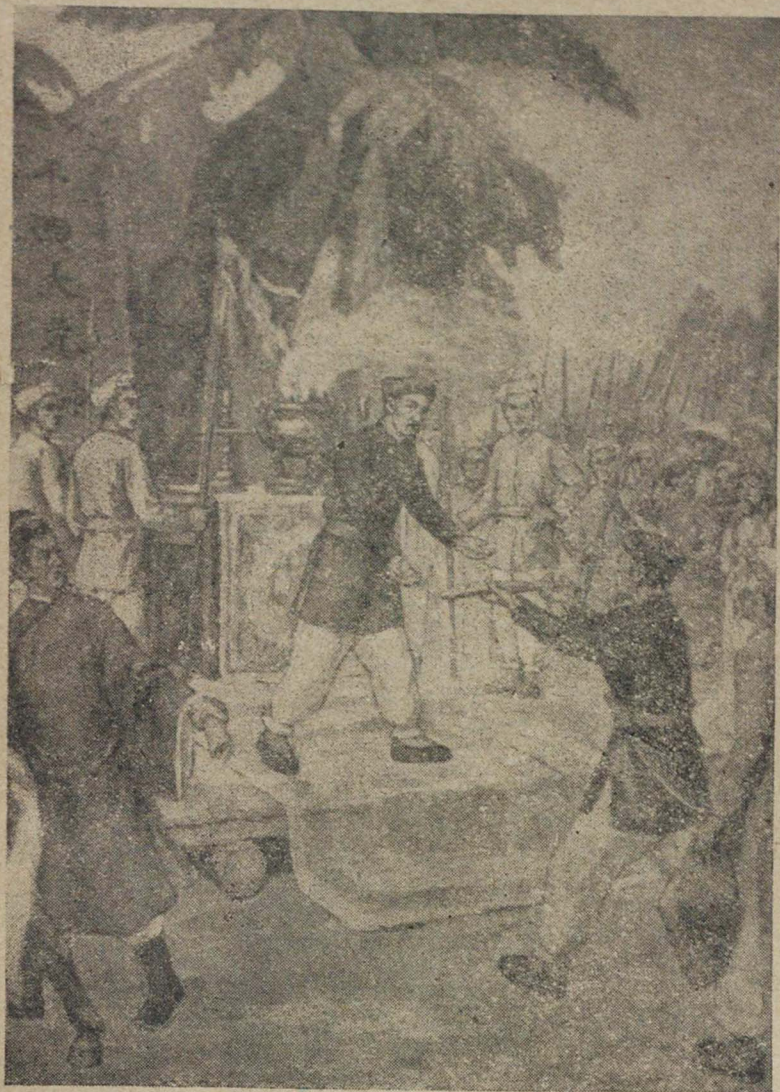
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC — 1976

“... Phong trào bắt đầu dấy lên ở miền Đông, sau lan rộng khắp nơi ở “Lục tỉnh”, biến thành cuộc chiến tranh nhân dân rộng lớn, nhiều nơi, nhiều lúc sôi nổi và mạnh mẽ lạ thường...”.

PHẠM VĂN ĐỒNG *



* *Phạm Văn Đồng — Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc. (Mấy vấn đề về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu). Nhà xuất bản Khoa học, Hà nội, 1964.*



Phong sóai

Tranh : Phi Hoanh

ĐỒNG NAI TRANH NGÓI NHUỘM MÀU MÂY *

Vừa Tết ra được mấy ngày, mọi nhà vừa mới hạ cây nêu để chuẩn bị ăn rằm tháng giêng thì tàu chiến Pháp hùng hồ kéo vào tập trung ở cửa Cần giờ, tất cả có tới 20 chiếc, binh lính rất đông, súng ống đầy đủ.

Tướng giặc Gio-nui-y (Rigault de Genouilly) sau khi bị quân dân ta đánh cho sứt đầu vỡ trán trên chiến trường Đà Nẵng — Quảng nam giờ đây đang nòn nóng muốn giành thắng lợi trên chiến trường mới. Cho nên vừa hội quân xong trong ngày mồng 9-2-1859 thì tờ mờ sáng hôm sau hẳn đã ra lệnh tấn công. Sau khi dùng súng lớn công phá pháo đài Phúc thắng trên núi Lại (Gành Rái) thuộc tỉnh Biên hòa rồi bắn vỡ các thành đất Lương thiện (Biên hòa) và Phúc mỹ, Danh nghĩa (Gia định) có nhiệm vụ chặn giữ con đường thủy vào Gia định, tàu chiến Pháp nối đuôi nhau liều mạng đi vào sông Cần giờ, vừa tiến vừa bắn phá các đồn bảo vệ hai bên bờ.

Chiến tranh bùng nổ đột ngột đã đảo lộn cuộc sống hàng ngày : gây và gây nên bao nhiêu tổn thất đau thương cho nhân dân :

* Theo Nguyễn Đình Chiểu.

*« Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,
Một bàn cờ thế phút sa tay,
Bỏ nhà lũ trẻ lơ sơ chạy,
Mắt ô bầu chim đảo đất bay.
Bến Nghé của tiền tan bọt nước,
Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu mây » (1)*

Nhưng ngay từ giờ phút đầu đi sâu vào đất liền, giặc Pháp đã vấp phải sự chống trả quyết liệt của quân đội triều đình đóng trong các đồn dọc hai bên bờ sông. Trước đó quân dân ta đã đóng cọc đập cản trên dòng sông, mỗi khi gặp cản, địch lại phải cho binh lính xuống nhờ cọc phá cản, khai thông đường tiến quân. Lợi dụng lúc đó, quân dân ta bố trí kín đáo hai bên bờ, nã súng chính xác vào đội ngũ địch gây nhiều tổn thất nặng nề. Tướng giặc đã phải xác nhận: « Người Việt chống cự quyết liệt, họ bắn súng khá, tàu Đra-gon (Dragonne) bị trúng 3 quả đại bác; tàu A-va-lăng (Avalanche) bị trúng 7 quả » (2).

Đến ngày 15-2-1859 thì tàu địch mới tới phía ngoài ngã ba sông Tàu hủ (nối liền Chợ lớn với Gia định), tại đây có hai pháo đài lớn của u Hữu binh đóng chốt hai bên bờ sông Bến Nghé (tức xóm Chiêu và Thủ thiên), dưới sông có đóng cọc, lại có nhiều thuyền cột giăng lại với nhau chở đầy thuốc súng và rom chuẩn bị đánh hỏa công tiêu diệt địch khi cần thiết. Đoàn tàu địch vừa kéo tới thì hai pháo đài của ta liền nổ súng. Cuộc đấu pháo giữa hai bên diễn ra suốt chiều hôm đó không phân được thua. Đợi đến đêm tối, giặc Pháp cho ca-nô chở lính tới nhờ cọc phá cản, rồi đến sáng hôm sau (16-2) tàu chiến địch tiến sát các pháo đài dàn trận bắn,

(1) Nguyễn Đình Chiểu — *Chạy giặc*.

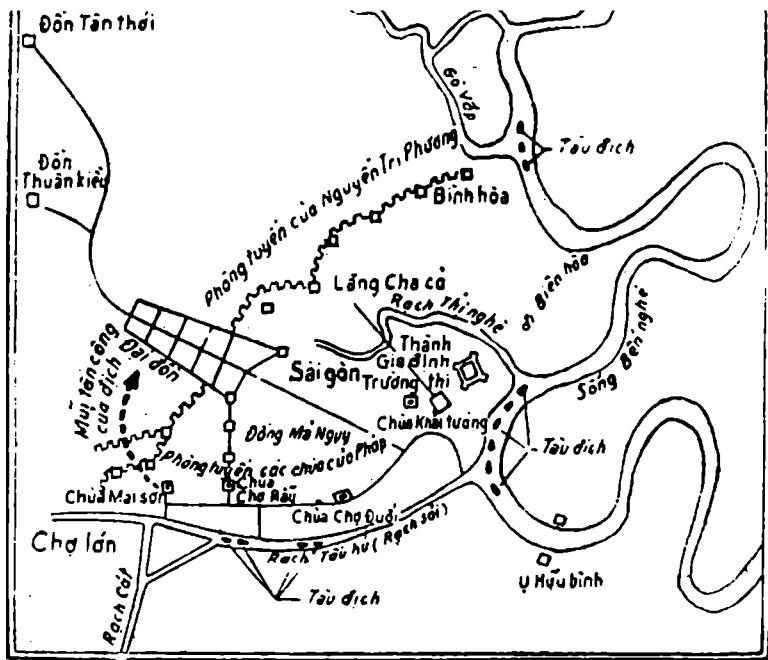
(2) Thomazi (A) dẫn trong *Cuộc chinh phục Xứ Đông dương* Pa-ri, 1934

đại bác dữ dội. Trước ưu thế rõ rệt về hỏa lực của kẻ thù, quân đội triều đình cuối cùng phải rút, địch thừa thắng đồ bộ chiếm luôn hai pháo đài bảo vệ trực tiếp thành Gia định.

Con đường vào thành Gia định đã mở. Tàu địch vào thả neo ngay trước thành và còn xông vào cả rạch Thị Nghè điều tra sự bố phòng của quan quân triều đình ở phía bắc thành. Thành Gia định bấy giờ đắp ở phía nam rạch Thị Nghè ngay trên bờ sông lớn. Thành hình vuông mỗi bề gần 500 mét, tường cao, có sông rạch bao quanh. Lúc quân Pháp kéo tới thì số quân trong thành có hơn 1000, khi giới và lương thực đầy đủ. Nhưng trấn thủ thành Vũ Duy Ninh thiếu cảnh giác, phòng thủ sơ hở, nên khi được tin giặc Pháp sắp đánh tới thì bối rối, bị động đối phó, chỉ biết chạy giầy cấp báo về kinh thành Huế và đi các tỉnh giục đem quân về cứu viện.

Sáng ngày 17-2-1859, tàu chiến Pháp tập trung hỏa lực bắn vào thành Gia định dữ dội, rồi đến trưa thì tung quân đồ bộ đánh thành. Trước sức tấn công mạnh mẽ của địch, trấn thủ thành ra lệnh rút quân, bỏ nhiều súng ống các loại và lương thực. Giặc Pháp chiếm được thành, nhưng lượng không đủ sức giữ nên ngày mùng 8 tháng 3 đã phải phá thành, chỉ đóng một đồn trên bờ, còn thì rút xuống đóng dưới tàu đậu chơ vơ giữa dòng sông rộng để tránh bị quân dân ta tập kích. Chính tướng giặc Giơ-nui-y đã phải thú nhận sự bất lực như sau: « Nếu tôi có lực lượng nhiều hơn, thì tôi đã giữ không phá thành lũy và thị trấn. Nhưng không tài nào giữ được » (1). Đã thế, ngay sau đó tình hình nguy khốn của đội quân chiếm đóng ở Đà Nẵng buộc hẳn phải tức tốc kéo đại

(1) Thomazi (A) — Sách đã dẫn.



Mặt trận Sài gòn — Gia định.

bộ phận quân lính ra cứu nguy, chỉ để lại tại Gia định một lực lượng nhỏ bé. Tiếc rằng về phía triều đình, người chịu trách nhiệm chính trên mặt trận Gia định lúc đó là Tôn Thất Cáp lại không biết tranh thủ thời cơ tấn công tiêu diệt địch, mà chỉ đốc thúc quân lính ra sức xây đồn đắp lũy, bị động phòng ngự. Tổng số quân đội chính quy của triều đình lúc này xung quanh Gia định không quá 1000 người, mặc dù thế, giặc Pháp vẫn không sao lấn rộng ra được, chủ yếu vì nhân dân sôi sục căm thù, tự động tổ chức thành đội ngũ ngày đêm bám sát tìm cách tiêu diệt địch.

Đòng đảo nông dân miền Nam, những người « dân
ấp, dân lành » ngày thường chỉ biết :

« Cui cút làm ăn,

Lo loan nghèo khó,

Chừa quen cung ngựa, đầu tời trường nhượ,

Chỉ biết ruộng trâu, ở làng theo bộ.

Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen
làm

Tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ mắt chưa từng
ngó (1)

Nhưng một khi vận mệnh Tò quốc lâm nguy, độc lập
dân tộc bị đe dọa thì họ đã anh dũng xông pha giết giặc
bất chấp kẻ thù có lực lượng hùng mạnh, có vũ khí tối
tán, và cũng bất chấp cả sự do dự, hèn nhát, thỏa hiệp
của vua quan-triều đình :

« Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu,
bầu ngói,

Trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sẵn dao
tu nón gõ.

Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà
đay đạo kia;

Gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt
đầu quan hai họ.

Chi nhọc quan quân gióng trống kỳ trống giục, đập rào
lướt tới, coi giặc cũng như không,

Nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông
vào, liều mình như chẳng có,

Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà,
ma-ni hồn kinh.

Bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc, tàu đồng
súng nổ » (1)

(1) Nguyễn đình Chiểu — Văn tế nghĩa sĩ Cần giuộc.

(2) Như trên

Ngay khi giặc Pháp đang tiến đánh thành Gia định thì những người yêu nước đất Gia định như *Trần Thiện Chinh* và *Lê Huy* đã kịp thời tu họp được gần sáu ngàn dân dũng, vận động nhân dân góp liền góp gạo, nổi dậy đánh giặc. Chinh nhờ có đạo nghĩa quân này yểm hộ nên khi giặc Pháp đã tiến sát thành Gia định rồi mà quan quân triều đình vẫn có thể rút lui, tránh khỏi nguy cơ bị kẻ thù tiêu diệt. Cùng lúc đó thì nhiều đoàn dân dũng tự động tập hợp lại để kịp thời đánh giặc. Chiều nào cũng có những đám cháy lớn, hoặc do chinh địch đối phá để khủng bố dân chúng, góp dân đồn làng, hoặc do nhân dân tự tay thiêu hủy nhà cửa trước khi dời đi nơi khác để khỏi rơi vào tay giặc. Cả một vùng trước kia đông vui, trù phú, nay đã trở thành tiêu điều, xơ xác, hai làng Thủ thiên và Khánh hội hai bên bờ sông đều bị đốt cháy, chỉ còn lại làng Chợ Quán giữa thành Gia định và Chợ lớn. Tội ác của giặc đối với nhân dân ta vô cùng to lớn :

« Ở đâu mà chẳng thấy :

Đào mồ mả, phá miếu chùa, làm những điều bất nhân ;

Ở đâu mà chẳng hay :

Đốt nhà cửa, hãm vợ con, làm những điều vô đạo ».

.

Hỡi ôi !

*Oán dương ấy, hận dương ấy, cừ thù dương ấy, làm
sao trả đặng mối ưng ;*

*Cóng bấy lâu, nghiệp bấy lâu, lao khổ bấy lâu, bảo đành
bỏ qua sao phải » (1).*

(1) Vô danh — *Hịch kêu gọi nghĩa binh đánh Tây.*

Đến cuối tháng 3 năm 1860, biết không thể cùng một lúc mở hai mặt trận và để tránh nguy cơ bị tiêu diệt ở cả hai nơi, tướng giặc Pa-giơ mới sang thay Giơ-nui-y quyết định rút toàn bộ số quân Pháp đóng tại Đà Nẵng về Gia định. Được tăng viện số quân mới, địch tìm cách đánh nới ra ngoài. Chúng cho chiến thuyền đi sâu vào con rạch từ xóm Chiếu đi xóm Củi nhỏ cọc phá cản, đem quân vào chiếm chùa Cây Mai phía tây nam Chợ lớn. Tại Gia định, chúng cho lập đồn gần sông, chiếm Trường thi, lập một phòng tuyến ngoại vi kéo dài từ chùa Khải trường qua các chùa Hiền trung (Chợ Đuôi) Cảnh phước (Chợ Rây) vào đến chùa Mai sơn (Cây Mai). Nhưng chúng vừa chiếm chùa Chợ Rây thì một đội nghĩa dũng tới 2000 người do *Dương Bình Tâm* (1) cầm đầu đã xung phong đánh một trận lớn suốt đêm.

Cuộc chiến đấu diễn ra ở đây rất ác liệt, quân ta liên tục tấn công hết đợt này tới đợt khác. Qua sự mô tả sau đây, thấy lộ rõ sự khiếp đảm của giặc Pháp trước tinh thần gan dạ và bình tĩnh chiến đấu của quân ta: « Khoảng 10 giờ đêm, lợi dụng bóng tối phía đầu hào, hơn 2000 quân Việt tiến đánh chùa Cảnh phước... Các hàng đầu của quân Việt gồm các linh trang bị những gậy dài, ở đầu gậy có buộc những ống tre chứa đầy nhựa thông bốc lửa mà họ cầm lao mạnh về phía trước... Những « gậy lửa » đó tiến trong đêm tối theo nhịp trống ghê rợn và trong tiếng hò reo thất thanh, làm cho cuộc tấn công của quân Việt có một cảnh tượng mà quái kinh hồn » (2).

(1) Trong *Lược sử An nam của Schreiner* (A) ghi tên là lãnh binh Thăng; trong *Lịch sử cuộc đánh chiếm Nam Kỳ* (1858 — 1861) của Boeuf (A) ghi tên là Lâm Bình Thăng.

(2) Boeuf (A) *Lịch sử cuộc đánh chiếm Nam Kỳ* (1858 — 1861) Sài gòn 1927.

Nhưng cuối cùng giặc Pháp nhờ có quân cứu viện kéo tới kịp thời nên đã đánh lui được quân ta. Người chỉ huy quân ta là Dương Bình Tâm hy sinh trong chiến đấu. Mặc dù vậy, kẻ thù đã phải xác nhận: « Sự việc thật nóng hổi, tỏ rõ đối phương (chỉ quân ta) từ sau thất bại bất thần năm 1859 bị đánh bật khỏi khu thành (thành Gia định) đã hồi lại tinh thần dưới quyền chỉ huy của các vị tướng cương nghị và quyết tâm bảo vệ đất nước ».

Cũng chính trong thời kỳ này nghĩa quân đã táo bạo vào sát căn cứ địch ở Trường thi phục kích giết chết tên đại úy Bác-bê (18-12-1860), rồi đánh đắm tàu Pri-mô-ghe trên sông Đồng nai (1-1-1861). Bọn thực dân đã phải thú nhận rằng đêm đêm dân dũng hi mật đột nhập trung tâm thành phố Gia định tĩa địch từng tên, đốt cháy cơ sở dinh trại của chúng, dồn bè lũ chúng vào thế bị động đối phó, kinh hoàng cực độ.

Trong khi nhân dân sáng suốt yêu nước có hành động kịp thời và đúng đắn như vậy thì bè lũ vua quan ngày càng tỏ ra bất lực. Được tin giặc Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng xung quanh thành Gia định, triều đình cũng có ra lệnh cho các tỉnh nam Trung kỳ, từ Quảng Ngãi vào Bình thuận tuyển mộ dân quân, luyện tập binh sĩ sẵn sàng tiếp ứng, đồng thời dụ cho hào mục Nam kỳ chiêu mộ hương dũng. Nguyễn Tri Phương (1) được điều từ mặt trận Đà Nẵng — Quảng nam vào phụ trách mặt trận Gia định (3-1860). Lúc bấy giờ, phần lớn quân Pháp ở Gia định lại bị rút sang Hoa bắc (Trung quốc), lực lượng Pháp ở Gia định chỉ còn lại không tới 1000 tên, rải ra trên một phòng tuyến mỏng và kéo dài trên dưới

(1) Nguyễn Tri Phương (1799 — 1873) người làng Chi long, huyện Phong điền — Thừa thiên. Xuất thân là thuộc lại sau lên đến chức đại thần, hy sinh năm 1873 khi giặc Pháp đánh chiếm Hà nội lần thứ nhất.

10 cây số. Nhưng Nguyễn Tri Phương từ khi vào Gia định, mặc dù trong tay cờ số quân đông hơn địch gấp bội, chỉ lo huy động quân dân xây dựng Đại đồn (ở Chi hòa ngày nay) phía tây nam thành Gia định, cho đào hào đắp lũy để chặn đường địch đánh thọc sâu vào nội địa, rồi sau đó « an binh bất động » ngồi chờ địch kéo tới đánh mới tìm cách đối phó.

Giặc Pháp không hề phải chờ đợi lâu ! Sau khi đã cùng các nước Âu — Mỹ dùng vũ lực buộc phong kiến nhà Thanh phải ký điều ước Bắc kinh (25-10-1860) mở thêm nhiều cửa biển, dành thêm nhiều thị trường cho thế lực tư bản nước ngoài trực tiếp xâm nhập Trung quốc, chúng kéo toàn bộ hải quân ở Viễn đông về Gia định. Đao quân xâm lược lần này tập trung trên sông Bến Nghé ngày mùng 7 tháng 2 năm 1861 đã lên tới 4 000 người với gần 50 chiến thuyền các loại, và được đặt dưới quyền chỉ huy của tên đô đốc Sác-ne.

Từ mờ sáng ngày 24 tháng 2 năm 1861, giặc Pháp bắt đầu nổ súng đánh đại đồn Chi hòa. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt suốt trong hai ngày liền. Nhưng hàng ngàn quân tập trung dày đặc trong một tòa thành đất trơ trọi — dù cho tòa thành đó rộng tới 3 cây số, tường cao tới 3 thước rưỡi và dày tới 2 thước — không thể trụ lại được trước sức công phá dữ dội của đại bác Pháp. Cuối cùng Nguyễn Tri Phương phải ra lệnh cho quân tướng dưới quyền bỏ thành chạy về đồn Thuận kiều sau lưng Đại đồn để cố thủ. Ba ngày sau, giặc Pháp lại tấn công chiếm luôn Thuận kiều, quan quân triều đình phải lui về Biên hòa. Thừa thắng, giặc Pháp đánh chiếm Định Tường (4-1861), Biên hòa (12-1861), Vĩnh Long (3-1862).

TRONG NAM TÊN HỌ NỔI NHƯ CỒN *

Thôn Trương định, một thôn nhỏ trong số mười tám thôn thuộc xã Tư cung, huyện Bình sơn, tỉnh Quảng Ngãi ở phía bắc con sông Trà khúc, ngay dưới chân hai quả núi Thiên mã và Tam thái, đó chính là quê hương của anh hùng dân tộc Trương Định (1).

Ông sinh năm 1820 trong một gia đình phong kiến, cha là Trương Cầm giữ chức lãnh binh của triều đình. Ngay từ thuở thanh niên ông đã tỏ ra xuất sắc hơn người, « trạng mạo khôi ngô, thông hiểu binh thư và bắn rất giỏi » (2) Năm 1844, khi cha được cử vào làm lãnh binh tỉnh Gia định, ông theo vào Nam, lấy vợ ở Tân-an (bấy giờ thuộc tỉnh Định Tường). Cha mất, ông ở lại quê vợ không có ý định trở về quê cũ nữa.

* Thơ Nguyễn Đình Chiểu.

(1) Huyện Bình sơn sau chia làm hai là Bình sơn và Sơn tĩnh. Thôn Trương định, xã Tư cung thuộc huyện Sơn tĩnh. Xã Tư cung sau cũng chia làm hai, gia đình Trương Định ở Tư cung bắc, nhưng nhà thờ Trương Định lại ở Tư cung nam.

(2) Nguyễn Thông — *Ký xuyên văn sao* (Truyện Trương Định — Thơ văn yêu nước Nam bộ nửa sau thế kỷ XIX, Bảo Định Giang — Ca Văn Thỉnh, In lần thứ hai, Văn học, Hà nội, 1973).

Năm 1853 triều đình cho thi hành phép ~~đặt~~ đồn điền lập ấp ở Nam kỳ. Luật lệ triều đình quy định mộ dân đi làm đồn điền cứ 50 người làm một đội, 500 người làm một cơ, ai mộ đủ một đội thi được bổ thụ hàm phó quản cơ (1). Mục đích của triều đình khi đề ra khai hoang lập đồn điền ở Nam kỳ lúc này là nhằm ổn định nông dân lưu tán, góp phần bảo vệ trị an ở những nơi tiếp giáp miền núi. Nhân có chủ trương đó của triều đình, Trương Định nhờ gia đình bên vợ sẵn lòng giúp đỡ nên đã đứng ra lập đồn điền ở Gia thuận thuộc vùng đất tỉnh Gia định, vì vậy được phong chức phó quản cơ đồn điền (2). Cũng giống như dân các đồn điền khác được lập ra hồi đó, dân đồn điền Gia thuận của Trương Định « là những người nghèo và những người dân lưu vong không có trong sổ định (sổ hộ của nhà vua), tập trung lại theo những luật lệ nhất định. Họ sống từng gia đình và suốt đời làm tá điền. Khi có chiến tranh, dân đồn điền cũng tham gia chiến đấu với quân đội chính quy » (3).

Về mặt kinh tế, đồn điền là một cơ sở khai hoang, còn về mặt quân sự đồn điền là một tổ chức quân sự bán vũ trang. Chức phó quản cơ đồn điền vì vậy không phải là một chức quan của triều đình, mà chỉ là người đứng ra chiêu mộ một số nông dân lưu tán để khai thác những vùng rộng đất hoang mà thôi.

Sau khi đồn điền được thành lập ngoài việc tổ chức khai hoang, Trương Định không còn ~~những~~ nhiệm vụ ~~đôn đốc~~ « lĩnh đồn điền » dưới quyền ~~ngay đêm~~ ~~luyện~~

DI 106 HL 342

(1) Đại nam thực lục chính biên (Đệ tư kỷ) — Bản dịch của Viện Sử học.

(2) Camille Briffaut Thành thị An nam Tập 1, Paris, 1909.

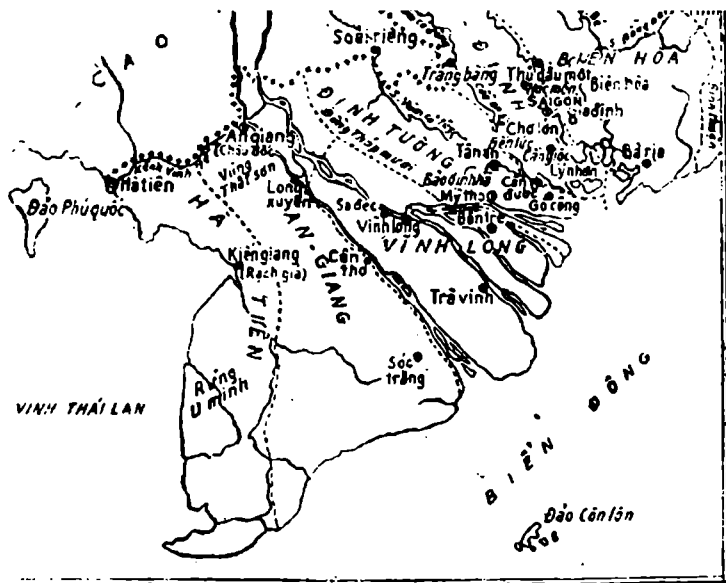
(3) Léopold Pallu de la Barriere — Lịch sử cuộc viễn chinh ở Nam kỳ năm 1861, Paris, 1861.

tập võ nghệ chuyên cần phòng khi có việc. Vốn là người giỏi võ nghệ, lại là người có lòng nhân hậu, rất mực thương yêu và hết lòng hết sức giúp đỡ những người nghèo đói các nơi tìm về, nên uy tín ông ngày càng tăng, không chỉ giới hạn trong khu vực đồn điền, mà còn nhanh chóng lan xa. Người các nơi nô nức kéo tới xin gia nhập rất đông, thông thường một cơ đồn điền chỉ có 500 người, nhưng cơ đồn điền của ông có lúc đông tới hàng ngàn. Được biết tình hình đó, vua Tự Đức thăng ông chức quản cơ hồng biển ông thành một bầy tôi trung nghĩa của triều đình (1).

Giữa lúc Trương Định đang ra sức xây dựng và tổ chức đồn điền, thì giặc Pháp nổ súng tấn công cửa bể Đà Nẵng vào tờ mờ sáng ngày đầu tháng 9 năm 1858. Từ lâu ông đã biết rõ dã tâm xâm lược của thực dân Pháp. Mùa xuân năm 1847 dưới Triều Thiệu trị hai tàu chiến Pháp kéo tới Đà Nẵng khiêu khích rồi bắn chìm các chiến thuyền của triều đình, việc đó không khỏi làm cho một người quan tâm đến vận mệnh Tổ quốc như Trương Định không hẳn khoả lo ngại. Cho nên lúc này sự kiện Đà Nẵng càng thúc giục ông gấp rút chuẩn bị lực lượng.

Sáng ngày 9 tháng 2 năm 1859 giặc Pháp kéo quân vào tấn công Gia định. Được tin đó, Trương Định tức tốc kéo đội nghĩa binh của mình gồm toàn nông dân đồn điền lên đóng tại đồn Thuận kiều phía sau lưng thành Gia định để phối hợp với quân đội triều đình Huế lúc đó do Tôn Thất Cáp chỉ huy cùng nhau đánh giặc. Trong chiến đấu ông vô cùng can đảm, luôn luôn đi tiên phong, nên được binh lính dưới quyền rất tin cậy, dân chúng theo rất đông. Thực dân Pháp đã nhận rõ tài năng của ông và phải xác

(1) Nguyễn Thông—*Kỳ xuyên văn sao* (Truyện Trương Định)—*Sách đã dẫn.*



Sáu tỉnh Nam kỳ

hận vai trò quan trọng của ông trong phong trào : « H (chỉ quan lại và quân đội triều đình) được khuyến khích ở Trương Định, một sĩ phu trẻ tuổi của Sài Gòn vì an (ủng) tương lai của cuộc khởi nghĩa Gò-công năm 1862-1863 với được giao cho quyền chỉ huy tất cả các tù nhân (được) giải phóng để đương đầu với quân xâm lược. Cả (đều) cử của vị chỉ huy trẻ tuổi này được phòng thủ rất (bắc) chắn » (1).

(1) P. Daudin — *Tấm bia ở mộ đại úy Bắc-bê tại nghĩa địa Sài Gòn*. (Tập san *Hội nghiên cứu Đông dương*, tập XVIII), các số 1, 2, 1943.

Nhưng rồi thành Gia định bị giặc chiếm, quan quân triều đình tan rã nhanh chóng. Trước tình thế đó, Trương Định không hề hoang mang giao động, tiếp tục động viên nghĩa quân dưới quyền kiên trì chiến đấu, bám sát địch ở khắp ngoại vi thành Gia định. Nguyễn Thông đã ghi lại sự việc đó như sau : « Tháng 1 năm Kỷ Vị, niên hiệu Tự Đức thứ 12 (1859) thành Gia định thất thủ, ông dẫn lính cơ (tức nghĩa quân) tời đóng ở Thuận kiều... ông thường đi tiên phong và lập được nhiều chiến công » (1). Nhưng ngay trong giai đoạn này bọn quan lại triều đình vốn mang nặng tư tưởng thất bại, sợ vũ khí hiện đại của địch nên không những đã không tạo điều kiện thuận lợi cho đội nghĩa quân của ông hoạt động mạnh mẽ, trái lại còn tìm cách hạn chế, kìm hãm phong trào. Chính giặc Pháp lúc đó cũng đã nhận thấy điều đó, chúng nói : « Nếu thống chế Tôn Thất Cáp để ông được hành động tự do thì chúng ta (chỉ bọn Pháp) có lẽ sẽ bị thiệt hại nặng hơn, đã bị thất bại rồi » (2).

Chỉ trong một thời gian ngắn, uy danh nghĩa quân Trương Định vang dội khắp nơi. Nhân dân càng chán ngán, tức giận bao nhiêu trước tình thần bạc nhược của bọn quan lại « triều đình chỉ án binh bất động », thì lại càng khâm phục ca ngợi bấy nhiêu hành động kiên quyết chống Pháp của nghĩa quân và chủ tướng Trương Định. Câu chuyện Trương Định trực tiếp chỉ huy một toán thần binh đang đêm tối kéo tới giết chết bá hộ Huy ngay tại nhà nó, sát cạnh đồn giặc—tên này vốn trước là bạn của ông nhưng sau phản bội ra làm việc cho Pháp, báo

(1) P. Daudin — tài liệu đã dẫn.

(2) P. Daudin (tài liệu đã dẫn). Sau khi thành Gia định thất thủ, triều đình Huế lại cử Thượng thư bộ Hộ Tôn Thất Cáp vào phụ trách mặt trận Nam kỳ.

cho Pháp biết chỗ ở của ông—được mọi người nhắc đến với một sự khâm phục pha trộn khoái trá.

Phong trào hưởng ứng nghĩa quân Trương Định dâng lên rất cao. Hơn 5 000 nông dân huyện Bình dương (Gia định) đã tụ nghĩa xung quanh cự tri huyện Trần Thiện Chính và cự suất đội Lê Huy. Ở các nơi khác như Gò công (Gia định) có Đỗ Trinh Thoại, ở vùng Biên kiều (Biên hòa) có Phan Văn Đạt và Trịnh Quang Nghi. Mỹ tho (Định Tường) có Trần xuân Hòa đều lần lượt dấy binh chống Pháp. Tháng 2 năm 1861 sau khi nhận được viện binh, và nhất là lợi dụng thái độ hoang mang do dự của triều đình, quân Pháp do đó đốc Sác-ne chỉ huy bắt đầu đánh rộng ra trên mặt trận Gia định.

Cuối tháng 12 năm 1861 Đại đồn Chi hòa rồi Thuận kiều nối tiếp nhau thất thủ, Tổng thống quân vụ Nguyễn Tri Phương bị thương phải rút quân về Biên hòa. Trước đó, Trương Định có đem nghĩa quân tham gia chiến đấu bảo vệ đồn Chi hòa, dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Tri Phương. Nhưng đến khi Chi hòa bị giặc chiếm, ông lượng sức nghĩa quân không thể đứng trụ được, mà cần phải có một căn cứ vững chắc để tính chuyện kháng chiến lâu dài; ông quyết định đưa quân về Gò công (huyện Tân hòa—Gia định) để xây dựng căn cứ.

MÁY TRẬN GÒ CÔNG NƯỚC TIẾNG ĐỒN*

Gò công thuộc Tân hòa là một huyện lớn của tỉnh Gia định, cách Sài gòn 50 cây số về phía nam.

Địa thế, Gò công không hiểm yếu nhưng dày là đất cơ sở, là nơi xuất phát của đội nghĩa quân nên ông tin tưởng, có thể dựa vào sức ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân trong vùng để biến « núi đất » ra « thành đồng lũy sắt », « giáo tre » thành « ngựa giáp xe nhung » để sống mái với quân thù.

Trong thời gian đầu, lợi dụng địch còn lo đối phó với nhiều nơi nên chưa đủ sức rải quân ra đánh, hơn nữa lúc này chúng cũng chủ quan cho Trương Định « là một tên giặc cỏ nhỏ mọn không đáng để ý », ông mới cùng tri huyện Lưu Tấn Thiện và thơ lại Lê Quang Quyền nhanh chóng phát triển thế lực, chiêu mộ thêm binh sĩ, dồn lương đúc súng và đánh thắng nhiều trận. Địa bàn hoạt động của nghĩa quân chẳng những là Gò công, Tân an, Mỹ tho, mà cả vùng Chợ lớn, Gia định, lan rộng ra hai bên nhánh sông Vàm cỏ từ biển Đông lên đến biển giới Khơ me, ông liên lạc với hầu hết các người cầm đầu các toán nghĩa quân khác hồi đó, như Đỗ Trinh Thoại, Phan Văn Đạt, Lê Cao Đông, Trần Xuân Hòa, Nguyễn

(*) Thơ Nguyễn Đình Chiểu.

Trung Trực, Võ Duy Dương... Nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu cũng làm quân sư cho nghĩa quân. Quan lại triều đình một số còn có tinh thần yêu nước chống Pháp không cam tâm chạy trốn để giữ lấy tấm thân hèn nhát cũng tìm đến nương tựa nghĩa quân, như tuần phủ Gia định Đỗ Quang. Thêm chí triều đình Huế bấy giờ cũng phải ra lệnh cho hiệp tán quân vụ Thân Văn Nhiếp và khám phái quân vụ Nguyễn Túc Trung tìm đường tời hội ở Tân hòa, mưu tính việc thu phục lại thành trì. Kết quả là lực lượng nghĩa quân tăng rất nhanh, riêng số quân tinh nhuệ đã có tới 5000, còn dân dũng thì rất đông. Một tên sĩ quan Pháp trực tiếp tham dự chiến tranh xâm lược lúc đó đã hết hoảng kêu lên « cuộc khởi nghĩa như từ dưới đất mọc lên » (1) và phải công nhận tinh thần dân sấu sắc của phong trào : « thực tế đầu đầu cũng là trung tâm kháng chiến, có bao nhiêu người Việt thì có bấy nhiêu trung tâm kháng chiến ». Muốn cho đúng hơn nữa thì phải nói rằng cần xem mỗi người dân cày đi gặt lúa là một trung tâm kháng chiến ».

Đáng chú ý là Trương Định không chỉ quan tâm về mặt quân sự mà còn chú trọng xây dựng chính quyền kháng chiến ngay trong vùng địch chiếm để nắm chắc nhân dân, lãnh đạo nhân dân đóng góp sức người sức của cho sự nghiệp cứu nước. Các viên tri phủ, tri huyện do phái kháng chiến cử ra hồi đó không có trụ sở nhất định, mà sống giữa thôn xóm, được nhân dân nhiệt tình yêu nước với trăm tai ngàn mắt ân cần nuôi nấng và bảo vệ. Nhiệm vụ của họ là tuyển lính, thu lương cung cấp kịp thời cho nhu cầu của nghĩa quân. Hồ Huân Nghiệp được Trương Định cử giữ chức tri phủ Tân bình là một địa phương trọng yếu vì bao gồm cả khu vực Sài gòn

(1) Léopold Pallu de la Barrière — Sách đã dẫn.

Chợ lớn bấy giờ đã bị giặc kiểm soát rất chặt chẽ. Đó là chưa nói tới thành công của Trương Định trong việc biến ngay chính quyền địch thành chính quyền ta, sử dụng chính quyền địch phục vụ cho kháng chiến. Chính giặc Pháp đã phải thú nhận : « Hầu hết khắp nơi các viên chức do chúng ta bổ nhiệm đã đồng lõa với quân khởi loạn, (chỉ nghĩa quân)... Ở đa số các đồn bốt các viên chức người Việt được chính quyền (chỉ giặc Pháp) bổ nhiệm đã không thể ngồi yên trong đó : ở những đồn bốt khác họ bị đánh bắt đi ngay sau khi pháo thuyền chở họ tới đã rút không còn ở đó để bảo vệ cho họ nữa, và những kẻ nào được dân chúng chấp thuận thì đều làm nhiệm vụ hai mang và chuẩn bị sẵn sàng phản bội chúng ta » (1).

Phối hợp với phong trào chung, cuộc khởi nghĩa của Trương Định ngày càng thêm mạnh. Trong năm 1862, phong trào dâng cao khắp nơi biến thành như tổng khởi nghĩa. Lợi dụng cả một hệ thống sông rạch chằng chịt khắp vùng, nghĩa quân vận động linh hoạt trên một địa bàn rộng lớn, khi ẩn khi hiện không chừng, chờ địch sơ hở là giáng cho chúng những đòn sấm sét. Bằng những cuộc xâm nhập không ngừng trên sông ngòi và kênh rạch ngang dọc khắp xứ này, họ (nghĩa quân) chỉ cho ta (giặc Pháp) thấy rằng những con sông rộng và êm ả của Nam kỳ không thể xem là tuyến phòng thủ thật có hiệu quả chống lại những con người đã nửa đời làm nghề sông nước... Từ Mỹ tho và Biên hòa tới trên những chiếc xuồng nhẹ len lỏi trong đêm tối giữa các tàu tuần tiêu của ta (chỉ giặc Pháp) và giấu kín mình dưới những đám cây rậm hai bên bờ sông, họ đột nhiên xuất hiện từng đám đông, lúc nơi này, lúc nơi khác, rồi biến mất...

(1) Louvet (E) — *Xứ Nam kỳ mộ đạo (La Cochinchine religieuse)*, Pa ri, 1885.

Chiến tranh phòng ngự bắt lực trước chiến thuật đó » (1). Giặc Pháp buộc phải thú nhận rằng chỉ trừ vùng ngoại ô trực tiếp của Sài Gòn tương đối yên ổn, còn thì một cuộc khởi nghĩa đang lan tràn khắp Nam kỳ, lôi cuốn tuyệt đại bộ phận nhân dân tham gia. Đến tháng 3 năm 1862, chúng đã phải rút khỏi nhiều đồn quân. Phần lớn các quận huyện và thị trấn quan trọng thuộc hai tỉnh Gia định và Định Tường đều được giải phóng: Gò công, Rạch Gầm, Cai Lậy? Chợ gạo. Bến lức... Địch chỉ còn giữ mấy tỉnh thành và một số ít đồn bị cô lập nên rất hoang mang giao động, ngược lại dân tâm sĩ khí lên rất cao.

Trận đánh lớn nhất trong thời gian này là trận đêm 21 rạng ngày 22 tháng 6 năm 1861 tấn công vào Quy sơn (Gò Rùa) cách thị trấn Gò công vài cây số, cứ điếm này có một đội lính thủy đánh bộ và một chiến thuyền ngày đêm phòng giữ. Trận này do Đỗ Trinh Thoại (2) chỉ huy, và có sự phối hợp tác chiến chặt chẽ của Trương Định. Tuy không chiếm được cứ điếm, Đỗ Trinh Thoại và 14 đồng chí của ông bị hy sinh, nhưng nghĩa quân đã anh dũng chiến đấu buộc địch phải xác nhận: « Người Việt tiến vào một cách rất can đảm, vì phải can đảm lắm mới dám cầm thương mà tiến tới trước mũi súng ca-ra-bin trên chiến trường đồng bằng. Những người đi đầu bị bắn chết thấy nằm chật ngổ nhưng họ được thay thế ngay bằng những người khác » (3).

(1) Louvet (E) — Sách đã dẫn.

(2) Đỗ Trinh Thoại: người làng Tân long huyện Tân hòa — Gia định, đậu cử nhũn năm 1843, làm quan đến chức tri huyện. Tháng 6-1861 mộ binh đánh giặc Pháp ở vùng Gò công.

(3) Prudhomme — *Hồi ký về cuộc viễn chinh Nam kỳ 1862*, Pari 1865.

Trận tập kích này là trận đánh lớn đầu tiên của quân ta từ sau ngày thành Định Tường thất thủ đã được bọn Pháp đánh giá rất cao, chúng cho rằng đó là trận đánh « có chỉ huy giỏi ». Trong trận này người chỉ huy là Đỗ Trinh Thoại bị tử thương, và từ nay Trương Định là người nắm hết binh quyền, cầm đầu chẳng những đạo nghĩa quân ở Gò công mà cả những đạo nghĩa quân nhiều nơi khác.

Ngoài ra còn phải kể tới các trận tấn công vào các cứ điểm Gia Thạnh (10-1-1862), Rạch Gầm (11-1-1862), ba lần đánh vào tỉnh lỵ Mỹ Tho (28-2, 2-3 và 13-3-1862). Có ảnh hưởng chính trị nhiều nhất là trận Ngũ Hiệp Trung Trực đốt cháy và đánh chìm chiến thuyền Hy vọng (Espérance) trên sông Nhật Tảo ngày 10 tháng 12 năm 1861. Về trận Nhật Tảo, giặc Pháp đã viết: « Đây là một trận đau đớn đã làm cho tinh thần người Việt phấn khởi lên và đã gây nên cảm xúc sâu sắc trong số người Pháp » (2).

Các chiến thắng của nghĩa quân cho mọi người thấy rằng: bằng vũ khí thô sơ vẫn có thể có nhiều cách diệt địch, làm cho địch mệt mỏi, nản lòng, bị tiêu hao, và cuối cùng bị bức phải rút khỏi đồn lũy kiên cố. Tàu sắt tuy cứng nhưng chưa cứng bằng tinh thần yêu nước, súng đồng tuy mạnh nhưng chưa mạnh bằng sức đoàn kết của toàn dân.

Đề đối phó lại phong trào chiến tranh du kích nổi hứng lên như vậy, bọn Pháp ra sức can quét, tuần tra, khủng bố dữ dội. Bắt được Phủ Cậu (Trần Xuân Hòa) (2),

(1) P. Vial — *Những năm đầu của xứ Nam kỳ thuộc Pháp*, Paris 1874.

(2) Prudhomme: Sách đã dẫn. Trần Xuân Hòa người tỉnh Quảng trị, đậu cử nhân, có thời kỳ giữ chức tri phủ, lại là con quan (bố là Trần Tuyên làm bố chính) nên nhân dân quen gọi là Phủ Cậu. Khi giặc Pháp đánh Định Tường, ông đã chỉ huy nghĩa quân chống cự kịch liệt, chẳng may bị địch bắt, ông can lười chết vào ngày 7-1-1862.

chúng đem tra tấn, nhưng ông đã cắn lưỡi chết để bảo toàn khí tiết; giặc Pháp điên cuồng đã chém và hêu dẫu ông giữa chợ hồng uy hiếp tinh thần nghĩa quân và nhân dân. Nhưng vô ích, chính chúng phải công nhận rằng « cái gương đáng khiếp sợ đó không ngăn nổi phong trào khởi nghĩa ».

Ngược lại phong trào khởi nghĩa nổi lên càng mạnh, vì lòng dân càng oán thù kẻ xâm lược dã man. Hàng trăm, hàng ngàn người đua nhau vì nước mà giành lấy cái chết vinh quang. Phan Văn Đạt lớn tiếng mắng giặc cho đến khi bị hành hình. Lê Cao Đồng bị bắt, ốm nặng, dịch ếp đồ thuốc, nhưng ông cương quyết cự tuyệt, ngậm kín miệng chịu chết. Số anh hùng hữu danh đã nhiều : số anh hùng vô danh còn đông gấp bội.

Như vậy là cuộc khởi nghĩa đã lôi cuốn được đại đa số nhân dân. Địch đêm ngày bị đánh, nơi nơi đều bị đánh. Cho nên vào tháng 3 năm 1862, quân Pháp bắt buộc phải rút khỏi nhiều đồn, quận.

Đến đóng đã không dễ, rút lui càng khó hơn. Đầu đầu bọn Pháp cũng đều bị truy kích. Tai hại nhất cho chúng là ngày 10 tháng 3 năm 1862 một pháo thuyền của chúng bị nổ và chìm với tất cả quân lính trên sông Tiền giang.

Nhưng chính giữa lúc đó thì bọn vua quan phong kiến đã phản bội quyền lợi nhân dân, quyền lợi Tổ quốc, hạ bút ký hàng ước nhục nhã ngày 5 tháng 6 năm 1862 cắt đứt 3 tỉnh miền Đông dâng cho giặc. Liên sau đó, giặc Pháp cho chiến thuyền chia nhau chạy khắp các sông rạch để cấp thời thông báo tin hòa nghị đã được ký kết, hồng làm tan rã tinh thần kháng chiến trong nhân dân. Nhưng thực tế đã ngược lại ý định đen tối của chúng, nghĩa quân các nơi đã nổ súng vào các chiếc thuyền máy để biểu thị nổi căm phẫn lớn lao và chính đáng của họ đối với bản hòa ước phản phúc. Các toán

nghĩa quân không chịu công nhận chính quyền mới của thực dân Pháp trong ba tỉnh bị tạm chiếm. họ cũng không chịu dời sang vùng đất ba tỉnh miền Tây còn thuộc triều đình quản lý mà cương quyết ở lại bám dần tiến hành cuộc kháng chiến ngay trong lòng địch.

Còn bọn vua quan phong kiến đầu hàng thì ngay sau đó tìm mọi cách phá hoại phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân ta như ngăn trở nhân dân kháng chiến, bỏ rơi các toán nghĩa quân, bỏ rơi các nhà ái quốc, điều động những người chỉ huy nghĩa quân đi xa. Đối với Trương Định, Tự Đức đã hai lần ra lệnh điều động hết đi An giang lại đến Phú yên. Phan Thanh Giản — một phần tử chủ hòa triệt để hồi đó — đã nhiều lần dụ Trương Định bãi binh. Tướng giặc Bô-na cũng đã nhiều lần nhờ người đưa thư dụ Trương Định hàng. Nhưng nghĩa quân đã sáng suốt hàn nhau giữ chủ tướng lại để kháng chiến đến cùng. « Giặc Pháp nhiều lần bị chúng ta đánh bại, nay nó đặc chí thì chúng ta không khác nào như cá trên thớt. Vả lại bọn Tây lấy binh lực ăn hiếp ta bắt hòa chứ không phải thực bụng muốn hòa. Nay hòa ước đã ký kết rồi, bọn ta không nơi nương tựa. Chỉ bằng chúng ta góp sức chống cự, giữ lấy một khoảnh đất để bảo toàn tụ họp với nhau chẳng phải là hơn sao » (1). Lúc đó có Phạm Tuấn Phát ở Tân long đem thư của các nghĩa hào đến tỏ ý muốn tôn Trương Định làm thủ lĩnh tối cao của phong trào. Rồi như các lớp sóng cuộn dâng, nghĩa quân nơi nơi đồng thanh hưởng ứng. Trong buổi lễ phong soái, nghĩa quân đã tràn trọng choàng tẩm nhiều đồ lên vai Trương Định, suy tôn ông làm chủ soái để cùng nhau một lòng trừ giặc cứu nước. Được sự ủng hộ nhiệt tình của quần chúng yêu nước,

(1) Nguyễn Thông — *Kỳ xuyên văn sao* (Truyện Trương Định). Sách đã dẫn.

người anh hùng đã cương quyết ở lại tiếp tục cùng nghĩa quân sát cánh chiến đấu đến cùng. Ngon cò Bình Tây đại nguyên soái phấp phới tung bay khắp mọi nơi, gây thêm niềm tin tưởng cho đồng bào bao nhiêu lại càng làm cho bè lũ cướp nước và bán nước khiếp đảm bấy nhiêu.

Trong một bức thư khuyên bãi binh của Phan Thanh Giản có những lý lẽ vừa mua chuộc vừa dọa dẫm như sau :

« Triều đình đã ký hòa ước thì kẻ hạ thần cần phải bãi binh, không có lý gì mà trái mệnh được. Trung hiếu cổ nhiên là điều tốt, nhưng đều có giới hạn không thể làm quá được ; nếu làm quá tròn thì cũng sai lầm như làm không đầy đủ, có thêm chân lại không phải là rắn nữa. Nếu có thể đem toàn hai tỉnh Định Tường và Biên Hòa về cho triều đình thì cũng là việc hay. Nhưng nay đại binh đã triệt đi rồi, các quan cầm quân trước kia ẩn nấp ở nơi rừng rú cũng đều tan tác rồi. Nay chỉ có một số quân đây, tiến đánh liệu có chắc thắng được không? Lui về giữ liệu có vững được không? Quyết không thể được ! » (1).

Nhưng người anh hùng đã hiên ngang trả lời như sau :

« Nhân dân ba tỉnh không muốn đất nước bị chia cắt, nên họ suy tôn chúng tôi cầm đầu. Chúng tôi không thể nào làm khác hơn điều chúng tôi đang làm. Cho nên chúng tôi sẵn sàng tử chiến, lói địch đằng đông, kéo địch đằng tây, chúng tôi chống địch, đánh địch và sẽ thắng địch. Nếu các ngài còn nói hòa nghị cắt đất cho địch thì chúng tôi xin không tuân mệnh triều đình, và chắc hẳn như thế sẽ không bao giờ có hòa thuận giữa

(1) Nguyễn Thông -- *Kỳ xuyên văn sao* (Truyện Trương Định) sách đã dẫn.

các ngài và chúng tôi, các ngài sẽ không lấy gì làm lạ cả » (1).

Dùng lời lẽ danh thép, lý luận sắc bén đập tan mọi luận điệu mua chuộc, dọa dẫm bỉ ổi của bọn vua quan đầu hàng và khẳng định quyết tâm kháng chiến đến cùng chưa đủ, Trương Định còn cho phân phát rộng rãi trong nhân dân bài hịch kêu gọi tướng sĩ và nghĩa quân vùng lên chống giặc. Bài hịch mở đầu với những lời thống trách những kẻ theo giặc, bỏ dân, phản nước :

*« Bớ những người tai mắt!
Thử xem loài thú cầm,
Trâu ngựa còn điếc cảm,
Mà biết đền ơn cho nhà chủ :
Muông gà loài gáy sủa,
Còn biết đáp ngãi cho chủ nuôi.
Hướng chi người chân đạp đất, đầu đội trời,
Ơ chi thói sâu dân, một nước!
Sao chẳng nghĩ sau, nghĩ trước,
Lại làm thẳng nịnh, thẳng gian!*

.....
*Bởi mình lại tham lam tiền của
Để cho Tây bắt vợ giết chồng.
Bởi mình tham, ham hố bạc đồng,
Để cho Tây lột da, khở óc
Thán sao không biết nhục
Vinh vang chỉ cũng liếng lày Tây!
Sung sướng không trọn đời,
Muốn thác chớ kêu trời
Sung sướng không trọn kiếp »...*

(1) Vial (Paulin) — Sách đã dẫn.

Phần cuối bài hịch đã kêu gọi mọi người:

... « *Bờ trở già, bờ lớn ai ai,
Đều bôi ám dầu mình cho kip!
Chiếu phụng, dầu ta lành dưng,
Mũi thiên oai thương kẻ sanh linh,
Phải cạy lời tỏ hết chơn tình,
Cho con trẻ dàu đen dưng biết!* » (1)

Ngay sau đó Trương Định cùng các chỉ huy nghĩa quân khác đã thừa lúc địch rút khỏi phần lớn các quận huyện, dồn hết đã vận động nhân dân đào hào, chặn sông, đắp chướng ngại vật trên các đường chùng hành quân. Số nghĩa quân tăng lên rất nhanh, nhất là các đạo quân của Phạm Tuấn Phát ở Tân an, Bùi Huy Diệu ở Cần đước, Nguyễn Văn Trung ở Tân thịnh. Để rèn thêm vũ khí giết giặc, các lò rèn đã hoạt động suốt ngày đêm. Mặt khác, Trương Định còn liên lạc với một số nhà buôn Hoa kiều, trong Sài gòn — Chợ lớn để mua súng đạn nước ngoài. Đó là chưa kể tới căn cứ Giao loan được xây dựng sát Bình thuận để dựa vào miền Trung mà tổ chức việc đúc súng ống.

Quy mô nghĩa quân lúc đó khá lớn, địa bàn nghĩa quân hoạt động đã được một sĩ phu yêu nước thời đó mô tả lại đầy cảm phục như sau:

« *Phía đông nam giáp biển, phía tây giáp đồn Hoa cương, những nơi hiểm yếu đều phân phát quan quân đóng giữ, còn Trương Định cầm đại quân đóng ở Góc công. Lại từ động Cây đa đến đập Ông Canh, chỗ nào cũng đặt đồn lũy canh giữ để chặn đường tiến của giặc Pháp, rồi đúc thêm súng lớn, tuyển người khỏe mạnh*

(1) Hịch Trương Định — *Thơ văn yêu nước Nam bộ nửa sau thế kỷ XIX*. Nhà xuất bản Văn học, Hà nội, 1973.

ở các huyện bổ sung vào quân ngũ, phòng bị nghiêm ngặt? làm kế lâu dài, hào mục nghĩa dân các nơi đều chịu sự chỉ huy của Trương Định, các phủ huyện cũng bị mất vận tải tiền gạo đến cung cấp cho quân lính. Trương Định sai mô trâu đạt tiệc khao thưởng tướng sĩ, người nào cũng phấn khởi ra sức » (1).

Năm 1862, giặc Pháp trên đường hành quân cần quét đã thấy một tấm biển lớn đóng vào thân cây trên bờ sông chép toàn văn lời tuyên bố khẳng định quyết tâm chiến đấu đến cùng của nhân dân Gò công:

« Nước các ông thuộc về các vùng biển phía Tây, nước chúng tôi lại thuộc về các vùng biển phía Đông... Chúng ta tiếng nói, chữ viết và phong tục đều khác nhau. Ngày xưa con người đã được sinh ra thành các dân tộc khác nhau; bất cứ nơi dân họ đều có giá trị như nhau, nhưng tinh chất của họ lại không giống nhau!

... Nếu các ông còn tiếp tục đem máu và lửa tới nước chúng tôi thì tình trạng rối loạn sẽ kéo dài; nhưng hành động theo ý trời và chính nghĩa chúng tôi sẽ thắng.

.. Chúng tôi nguyện sẽ chiến đấu mãi mãi không nghỉ. Khi không còn gì nữa, chúng tôi sẽ lấy cành cây làm cờ, làm gậy để vũ trang cho quân lính. Như vậy thì làm sao mà các ông lại có thể sống yên lành giữa chúng tôi được? » (2). Trước sự phát triển lực lượng nhanh chóng của nghĩa quân các nơi, giặc Pháp vô cùng lo sợ. Bọn chúng hoang mang nhận định: « Bao nhiêu việc xảy ra báo hiệu một cuộc khởi nghĩa sắp bùng nổ...

(1) Nguyễn Thông — *Ký xuyên văn sao* (Truyện Trương Định) sách đã dẫn.

(2) Phó đô đốc Réveillere dẫn trong *Tạp chí Đông dương*, số ra ngày 9-6-1902.

Người Pháp ở thế phòng vệ. Người ta mơ hồ hiểu rằng đang bị bao vây trong một mạng lưới âm mưu trong đó mọi tầng lớp nhân dân đều tham dự » (1). Và cuộc khởi nghĩa mà kẻ thù hoảng hốt đề phòng đã thực sự bùng nổ từ ngày 16 tháng 12 năm 1862 với trung tâm chỉ huy là Gò công, và với người lãnh đạo tối cao là Trương Định. Hầu hết các đồn bốt của giặc Pháp trong các tỉnh Gia định, Biên hòa đều bị tấn công cùng một lúc làm cho chúng lúng túng đối phó không kịp.

Mở đầu cho làn sóng đấu tranh trên đất Gia định là trận đánh đồn Rạch tra cách Sài gòn 15 cây số trên đường đi Tây ninh vào đêm 16, nghĩa quân nhân trời tối đã vượt thành đột nhập đồn, dùng mìn thông tiêu diệt tên chỉ huy cùng số binh lính dưới quyền, thu toàn bộ vũ khí đạn dược. Trên sông Vàm có dòng, ba pháo thuyền địch cùng lúc bị đánh dữ dội, chiếc pháo thuyền số 3 bị thiệt hại nặng. Nguyễn Trung Trực — người anh hùng nông dân đã từng đánh đắm tàu Hy vọng trên sông Nhật tảo năm 1861 — lại đánh một chiếc tàu khác của địch đậu ở Bến lức. Ở Cần giuộc xung quanh Chợ lớn 5000 nghĩa quân dưới quyền chỉ huy của Hàm Lâm Phu và Quán Là đẩy mạnh hoạt động giành giật từng mảnh đất với địch. Còn ở Biên hòa thì hàng vạn người Thượng với cung tên dày dầy ào ào kéo xuống như những đợt sóng trào phối hợp với đồng bào Kinh khắp vùng nhất là nổi dậy, suốt một giải từ Tây ninh, Thủ dầu một sang Bà rịa, khắp miền Đông bắc và Tây bắc Sài gòn ; nghĩa quân nhanh chóng tiêu diệt đồn Long môn (huyện Long thành, tỉnh Biên hòa). Ở Định tường, phong trào cũng lên mạnh. Dàng chú ý nhất là trận 1000 nghĩa quân tấn công đồn Thuộc nhiều, cách Mỹ tho 20 cây số, vào tháng 2 năm 1863 với một tinh thần

(1) Vial (P) — Sách đã dẫn.

dùng cảm phi thường: « Người Việt với vũ khí thô sơ đã chống lại súng ca-ra-bin; họ cứ việc nhào vô đánh, chứng tỏ rằng họ can đảm và quyết tâm một cách phi thường » (1).

Con đường Sài gòn -- Biên hòa bị nghĩa quân hoàn toàn khống chế, mãi tới khi địch nhận được viện binh từ hạm đội của chúng ở Trung quốc xuống, từ Phi luật tân và từ Pháp sang, và sau khi đã đánh chiếm được Tân hòa thì chúng mới mở lại được con đường máu này. « Khởi nghĩa là thường trực. Nơi nào chúng (chỉ nghĩa quân -- T.G) cũng bị trấn áp, nhưng không nơi nào chúng bị đánh tan, vì chúng ta (chỉ giặc Pháp -- T.G) không có đủ phương tiện » (2), đó là lời thú nhận sự bất lực của tướng giặc Bô-na hồi đầu năm 1863.

Giặc Pháp thừa biết rằng đầu não của phong trào kháng chiến là ở căn cứ Tân hòa (Gò công), muốn « bình định » được miền Nam không thể không chiếm lấy căn cứ đó. Chúng đã khẳng định rằng « các phái viên của nghĩa quân từ Gò công được gửi đi khắp các phương để đốt lên ngọn lửa căm thù đối với chúng ta (chỉ giặc Pháp) » (3). Cho nên, sau khi nhận được thêm viện binh vào đầu năm 1863, chúng mở cuộc tấn công lớn vào căn cứ Tân hòa. Giặc Pháp đã tập trung vào cuộc tấn công này tới 11 chiến thuyền máy, 30 ca-nô bọc sắt và nhiều phương tiện vận tải khác. Phần lớn lực lượng dự trữ về bộ binh, về đại bác của chúng đều đổ vào trận này. Cuộc tấn công từ ba phía bắt đầu từ sáng hôm 25 tháng 2. Nghĩa quân đã anh dũng chiến đấu suốt ba ngày liền không cởi áo giáp, nhưng sau khi hai kiện

(1) Vial (P) -- Sách đã dẫn.

(2) Bonard -- Báo cáo về Pháp ngày 14 tháng 1 năm 1863.

(3) Vial (P) -- Sách đã dẫn.

trường Đặng Kim Chung và Lưu Bảo Đường bị trúng đạn chết thì nghĩa quân phải rút khỏi căn cứ để bảo toàn lực lượng. Trong lúc Gò công bị tấn công thì nghĩa quân xa gần các nơi đều cùng một ngày đánh vào các đồn sau lưng giặc (đồn Cây mai, đồn Thuận kiều) để chia rẽ lực lượng chúng. Địch chiếm được Tân hòa ngày 28. Chúng khua chuông gõ mõ rất nhiều về trận Tân hòa, nhưng vẫn phải nhận rằng nghĩa quân thiệt hại rất ít trong trận này.

Giặc Pháp tuy thắng thế nhưng đã phải nói về Trương Định — linh hồn của cao trào yêu nước hồi đó — với những lời lẽ đầy thần phục như sau: « Suốt trong 18 tháng trường, người du kích không biết mệt mỏi đó mà ta có thể gọi là Áp-den Ca-đe (1) của Việt-nam, bị truy nã hết chỗ này đến chỗ nọ trong rừng sâu, trong vùng lầy, người du kích đó đã phá tan các cuộc truy nã của ta với cả một nghị lực bền bỉ mà ta phải thừa nhận mặc dù ông là đối thủ của ta » (2).

LINH HỒN NAY ĐÃ TÁCH THEO THÂN (*)

Sau khi căn cứ Tàu hòa bị chiếm (28-2-1863), Trương Định cùng số quân dưới quyền mở con đường máu thoát khỏi vòng vây dày đặc của địch chạy vào khu rừng sát bờ biển, rồi lại kéo về lập căn cứ mới ở Phước Lộc tiếp tục kháng chiến. Kế hoạch « tiêu diệt sinh lực nghĩa quân » của địch đã thất bại.

Nhưng đúng vào lúc nhân dân Nam kỳ đang chiến đấu quyết liệt một mất một còn với bè lũ xâm lược thì triều đình Huế lại « long trọng » làm lễ chính thức phê chuẩn bản hòa ước nhục nhã 5-6-1862. Từ nay ngoài việc cắt đất và nộp tiền đã được ngoan ngoãn thi hành ngay từ trước khi bản hòa ước được thông qua thì một số điều khoản khác rất tai hại cho phụng trào yêu nước chống Pháp của nhân dân miền Nam cũng được bè lũ vua quan triều Nguyễn ra sức thực hiện để lấy lòng bọn cướp nước, như sẵn sàng bắt nộp những người chống Pháp ở các vùng tạm bị chiếm trốn chạy sang vùng đất do triều đình quản lý.

Bè lũ vua tôi nhà Nguyễn đã tiếp tay đắc lực cho giặc Pháp trong việc tiêu diệt nghĩa quân. Trước những hành

(*) Thơ Nguyễn Đình Chiểu.

vi phạm bội trắng trợn đó của chúng, Trương Định vẫn không một chút sờn lòng nản chí, ông cương quyết chống Pháp đến cùng.

Tháng 4 năm 1863, ngay khi Bô-na ra Huế dự lễ chình thức công nhận hàng ước 1862 về, Trương Định liền gửi cho nó một bức thư đóng ấn Bình Tây đại nguyên soái, kịch liệt lên án giặc Pháp giết hại nhiều người làm đường ra đầu thú và cương quyết đòi Pháp trả lại ba tỉnh miền Đông cho nước Việt nam.

Cùng với việc làm có tiếng vang rộng lớn nói trên, Trương Định chú trọng tăng cường lực lượng nghĩa quân để đối phó với những âm mưu sắp tới của kẻ thù. Ông đã đặt liên lạc chặt chẽ với phong trào của Thiên hộ Dương ở Đồng Tháp Mười. Cũng trong thời kỳ này, rất nhiều thanh niên các địa phương và nghĩa quân nhiều toán khác sau khi thất bại đã tìm đường về quy tụ dưới lá cờ yêu nước chống Pháp của anh hùng Trương Định. Lực lượng nghĩa quân nhờ đó phát triển nhanh chóng, địa bàn hoạt động mở rộng bao gồm từ miền rừng núi Biên hòa, Thủ dầu một, Tây ninh đến phía Đồng Tháp Mười và các vùng bung giữa đòng Sài gòn, Trảng bàng và Vàm cổ đông, tức vùng bung Tầm lạc, tổng Cầu an hạ. Đặc biệt rút kinh nghiệm hồi ở Tân hòa, trong thời gian này nghĩa quân Trương Định không chỉ củng cố xây dựng căn cứ địa rồi thu động ngời chờ địch kéo tới mới lo đối phó, mà còn chú trọng đẩy mạnh công tác vùng tạm bị chiếm, ra sức vận động nhân dân trong vùng nổi dậy đánh Pháp, quyên tiền, góp lương cho nghĩa quân. Khắp nơi, ngay cả trong thành Gia định được giặc Pháp bảo vệ nghiêm ngặt nhất, đều có dân các hồ cáo, bích chống Pháp, dưới dòng dấu sơn « Bình Tây đại nguyên soái ». Trước tình hình đó, giặc Pháp đã phải

kêu lên: « Cả xứ vẫn tiếp tục bị xôn xao vì các lời lăng mạ của Quân Định » (1).

Song song với việc xây dựng căn cứ, phát triển lực lượng, Trương Định còn đánh nhiều trận — tuy không có trận nào lớn vì điều kiện buổi đầu như nhóm lại phong trào chưa cho phép — nhưng theo phương châm đánh nhỏ, ăn chắc, có phối hợp chặt chẽ giữa các địa phương, với mục đích phá rối, gây hoang mang cho địch, ngược lại thì có tác dụng động viên, nuôi dưỡng ý chí chiến đấu cho nghĩa quân, gây lòng tin tưởng trong nhân dân đối với tiền đồ của kháng chiến. Suốt một giải từ Biên hòa, Tân an, Mỹ tho, Cần giuộc, Phú lục, Chợ lớn, Bà hom, đâu đâu đều có nghĩa quân hoạt động, khi phục kích diệt bọn tuần tiễu trên các sông rạch và các ngã đường từ Gia định đến các căn cứ xung quanh, khi tổ chức cướp lương thực, bắt do thám và diệt bọn Việt gian bán nước... Trương Định tự mình đi khắp nơi, chân chính cơ sở, tổ chức lực lượng kháng chiến, chuẩn bị cho những trận đánh lớn. Thực dân Pháp đã phải xác nhận một thực tế bất lợi đối với chúng: « Quân Định là linh hồn của mọi phong trào. Những thư tín, mệnh lệnh của ông được trao tay, truyền miệng, phổ biến khắp nơi. Lúc thì tưởng ông ta đang còng cán ở Huế, lúc ông lại xuất hiện ở vùng rừng núi sát biên giới Bình thuận hay ở ngay ngoại ô Sài gòn. Đây là một âm mưu lật đổ thường trực được tổ chức khéo léo chống lại sự an ninh của chúng ta » (2). Rõ ràng là nghĩa quân ngày càng đầy mạnh hoạt động đã làm cho kẻ thù lo ngại: « Vào lúc đó đốc La Grăng-di-e lên nắm quyền chỉ huy (5-1863 — TG), Quân Định đã cả gan đến mức cho dân ngay giữa chợ

(1) Vial (Paulin) — Sách đã dẫn.

(2) Vial (Paulin) — Sách đã dẫn.

Mỹ tho bản lịch kêu gọi nhân dân Việt nam đứng lên cầm vũ khí và treo giá đầu Tây » (1).

Tình hình nguy ngập đó buộc tên La Grăng-di-e mới được cử sang thay tên đô đốc Bô-na già yếu và bất lực phải báo gấp về nước xin hoãn lại việc hồi hương số quân lính đã hết hạn sắp xuống tàu. Trong thư gửi lên bộ trưởng Bộ Hải quân Pháp đề ngày 27 tháng 10 năm 1863, hần viết : « Tình trạng của chúng tôi khi tới đó (La Grăng-di-e tới Sài gòn hồi tháng 3 năm 1863 — TG), sự đe dọa của những cuộc biến động mà chúng ta phải cố tránh bằng bất cứ giá nào, việc ngăn ngừa sao cho các cuộc biến động đó khỏi chuyển thành một cuộc khởi nghĩa mới đã buộc chúng tôi phải giữ đoàn quân đó ở lại Nam kỳ » (2).

Giặc Pháp và tay sai biết rõ một khi còn Trương Định thì bệ lũ chúng vẫn chưa thể ngồi yên để xây dựng bộ máy thống trị dẫm máu trên đầu trên cổ nhân dân ta được. Vì vậy chúng ráo riết tìm cách bóp chết phong trào. Đã thế tình hình miền Nam lúc này nói chung cũng có nhiều điều bất lợi cho nghĩa quân. Năm 1863 nạn đói đang đe dọa nghiêm trọng nhân dân miền Nam, cộng thêm vào đó thủ đoạn ra sức vơ vét lúa gạo đem xuất cảng lấy lời, của thực dân Pháp làm chò giá lương thực, thực phẩm, nhảy vọt lên, sự ủng hộ và tiếp tế lương thực của nhân dân cho nghĩa quân vì vậy phần nào bị hạn chế. Thực dân Pháp lúc này lại xảo quyết đẩy mạnh tuyên truyền đường lối « thương thuyết hòa bình » cốt gây trong nhân dân một ảo tưởng vào « thiện chí » của chúng mà

(1) Septans (A) — *Thời kỳ khởi đầu của xứ Đông Pháp* — Pa-ri, 1887.

(2) Poyen — *Sơ lược về pháo binh của Hải quân ở Nam kỳ* — Pa-ri, 1893.

lơ là thiếu cảnh giác. Chúng làm rùm beng xung quanh việc giao trả thành Vĩnh Long cho quan lại triều đình (5-1869), rồi việc phái đoàn ngoại giao của triều đình do Phan Thanh Giản cầm đầu lên đường sang Pháp (6-1863) xin sửa lại hòa ước 1862 và chuộc lại ba tỉnh Gia Định Định Tường — Biên Hòa đã bị chiếm đóng. Mặt khác thực dân Pháp ra sức củng cố việc cai trị trong vùng mới chiếm. Nhằm mục đích thu hẹp địa bàn hoạt động của nghĩa quân, từ đầu năm 1864 chúng chia ba tỉnh miền Đông Nam kỳ thành 7 khu: Sài Gòn — Chợ Lớn, Cần Giuộc, Tây Ninh, Tân An — Gò Công, Mỹ Tho, Biên Hòa và Bà Rịa. Trong hoàn cảnh đó, các cuộc khởi nghĩa nhỏ, lẻ tẻ ở các địa phương khó lòng tồn tại lâu dài, dần dần đều bị kẻ thù dập tắt trong sắt thép, phong trào chung ngày càng co hẹp lại.

Nhưng giặc Pháp vẫn chưa thể ăn ngon ngủ yên! Anh hùng Trương Định còn « ngoài vòng pháp luật », tình hình đó như lưỡi gươm sắc kề ngay bên cổ làm cho chúng ngày đêm lo ngại. Tên đô đốc La Grăng-đi-e cay cú tuyên bố « sẽ thưởng tất cả tài sản của Quân Định cho người nào bắt nộp được kẻ phiến loạn (chỉ Trương Định — T.G) còn sống hay đã chết cho nhà cầm quyền Pháp (1). Đồng thời rút kinh nghiệm thất bại trong lần tấn công vào căn cứ Gò Công hồi cuối tháng 2 năm 1863 trước kia, lần này chúng thay đổi chiến lược, không tổ chức hành quân quy mô để chống lại với chiến thuật đánh du kích của nghĩa quân. Đồng thời chúng ra sức đẩy mạnh chiến tranh gián điệp, tung bọn phản bội, tay sai vào hàng ngũ nghĩa quân, hoạt động điều tra phá hoại từ bên trong, phối hợp chặt chẽ với những cuộc tập kích táo bạo, bất ngờ vào các cơ quan đầu não để tiêu diệt tổ chức, sát hại người cầm đầu ngay tại chỗ. Nhờ có tay

(1) Camille Briffaut *Thành thị An nam* Tập I, Pa ri, 1909

sai chỉ dương nên giặc Pháp đã dò biết được Trương Định lúc này đang ở tại Lý Nhơn gần cửa sông Soài rạp, giữa một vùng sinh lầy có loại cây dừa nước che kín bạt ngàn. Ngày 25 tháng 9 năm 1863, quân Pháp ở hai tiểu khu quân sự Gò công - Cần giuộc đã phối hợp tổ chức một cuộc đột kích vào căn cứ nghĩa quân. Mặc dù bị đánh bất ngờ, Trương Định và số quân lính dưới quyền đã chiến đấu vô cùng anh dũng. Trong lúc giáp lá cà hỗn chiến, một tên « mã tà » (lính ngự) đã liều mạng tóm vai ông định bắt sống nộp cho Tây lấy thưởng, nhưng với sức mạnh phi thường ông đã hất ngã tên phản bội, rồi sau đó chỉ huy đồng đội nhanh chóng rút khỏi vòng vây quân thù (1).

Một lần nữa giặc Pháp lại thất bại trong âm mưu sát hại thủ lĩnh nghĩa quân. Việc Trương Định thoát khỏi vòng vây giặc đã có tác dụng tốt đến phong trào các nơi. Sau đó, nhiều toán nghĩa quân hoạt động trở lại trong vùng Biên hòa, Tân an, Mỹ tho, Cần giuộc, thậm chí bám sát ngay Phú lâm, Bà hom và các vùng phụ cận Chợ lớn. Nhưng do kẻ thù lúc này đã nắm khá chặt vùng tạm bị chiếm nên các toán trên không có điều kiện hoạt động lâu dài, mà phải kéo ra vùng rừng núi tỉnh Bình thuận, từ đây thỉnh thoảng lại tổ chức những cuộc đột nhập vào vùng bị giặc tạm chiếm ở Nam kỳ (2).

(1) Trong trận này, vợ Trương Định và một số nghĩa quân không chạy kịp đã bị giặc Pháp bắt.

(2) Theo tài liệu của Pháp-uhl ở phía Nam tỉnh Bình thuận, giáp giới Biên hòa trên vùng đất cao phía Tây có một khu ruộng do nghĩa quân Trương Định cấy cấy (Etienne Aymonier - *Ghi chép về xứ Trung kỳ, Phần I, tỉnh Bình thuận* - Công bố trong Xứ Nam kỳ thuộc Pháp - Tạp chí *Du lịch và Điều tra* số 24, tháng 7-8-1885, Sài gòn, Nhà in thuộc địa, 1885.

Giặc Pháp lỏng lẻo tìm cách đối phó. Cuối cùng, vừa mua chuộc tay sai, vừa làm áp lực đối với triều đình Huế, chúng đã bắt được một số thủ lĩnh nghĩa quân quan trọng như Quân Sư, Lãnh Quới.

Nhưng vẫn còn Trương Định, linh hồn của toàn bộ phong trào, người chỉ huy cao nhất của nghĩa quân Nam bộ. Giặc Pháp ráo riết săn đuổi. Lúc này, sau khi chạy thoát khỏi vòng vây của địch ở Lý Nhơn, ông về ẩn náu tại làng Kiến Phước thuộc vùng Tân Phước có địa thế hiểm yếu dễ bảo vệ hơn, bên sông Soài Rạp, nơi hai con sông Vàm cỏ cùng với các sông Đồng Nai, Bến Nghé chung nước đổ ra biển Đông. Hoàn toàn không để cho thất bại vừa qua làm cho thối chí nản lòng, chính lúc này người anh hùng họ Trương đang ráo riết chuẩn bị lực lượng đánh úp lấy lại căn cứ Tân Hòa. Dưới quyền chỉ huy của ông vẫn còn trên một vạn quân — một lực lượng hùng hậu đáng kể — đóng rải rác trên một vùng rộng lớn tạo thành thế liên hoàn chặt chẽ. Nhưng giặc Pháp được tên tay sai Huỳnh Công Tấn (Đội Tấn) (1) dẫn đường bí mật lọt vào căn cứ trong đêm 19 tháng 8 năm 1864 rồi bao vây ngôi nhà trong đó Trương Định ở cùng với 25 tùy tùng. Từ mờ sáng hôm sau (20 tháng 8), sau khi bố trí chẹn kín các ngã đường, bọn giặc liền lĩnh xông vào nhà định bắt sống ông tại chỗ. Bọn chúng đã vấp phải sự chống cự mãnh liệt. Mặc dù bị tấn công bất ngờ, số quân lại quá ít, Trương Định và đám tùy tùng đã « chống cự như những anh hùng » (2). Thấy biến, ngay từ phút đầu Trương Định và các nghĩa quân đã giành thế chủ động anh dũng xông ra đánh giáp lá cà với giặc. Bình tĩnh dũng mãnh tung hoành, ông chỉ huy đội quân

(1) Tên này trước theo nghĩa quân, sau bỏ về đầu hàng giặc.

(2) Vial (Paulin) — Sách đã dẫn.

dưới quyền ngoan cường chiến đấu tìm cách mở đường máu ra ngoài. Nhưng vào lúc ông và các nghĩa quân chuẩn bị lao mình vào một đám cây rậm thì địch bắt đầu theo, ông bị trúng đạn gãy xương sống. Không thể giặc bắt, ông vung gươm chém bay đầu tên chó săn đang nhẩy đến hông bắt sống ông, rồi quay gươm lại đâm vào cổ tự sát giữ trọn tiết tháo của người anh hùng. Ngay sau đó, địch đem thi hài ông về Gò công, mục đích để nhân dân vùng căn cứ cũ của nghĩa quân cũng như nhân dân toàn Nam bộ, thấy rõ ông đã chết sẽ sinh lòng thất vọng không chống đối lại chúng nữa (1). Lục soát trong người Trương Định, giặc Pháp còn tìm thấy một bài tuyên cáo kêu gọi tướng sĩ và nhân dân hưởng ứng cuộc tấn công sắp tới vào tháng 9 năm đó. Bài tuyên cáo một lần nữa khẳng định quyết tâm chiến đấu đến cùng của nghĩa quân, đồng thời cũng thấm nhuần sâu sắc truyền thống chống ngoại xâm giành độc lập của dân tộc ta : -

« Từ ngày quân đã man từ nước ngoài dương dương tự đắc về sức mạnh của tàu chiến và đại bác vô cơ kéo đến dày xéo đất nước ta và gieo rắc nọc độc khắp nơi, thần và người đều một lòng căm giận... Thề theo nguyện vọng của nhân dân, tôi đã cố gắng tiến hành kháng chiến lâu dài không kể tới thành bại. Tôi chỉ tin tưởng vào lòng thần tin vững bền của nhân dân...

« ... Chúng tôi sẽ lấy lau làm cờ, chặt tầm vòng làm binh khí. Nhất định chúng tôi không bao giờ ngừng chiến đấu chống quân cướp nước. Việc đã định, không bao giờ có hoãn chiến đối với bè lũ cướp nước.

(1) Sau đó giặc Pháp chôn Trương Định ngay gần trụ sở cơ quan thanh tra của chúng, rồi cho lính canh phòng nghiêm ngặt. Vì sợ nhân dân ta bí mật dời mộ người anh hùng đi nơi khác.

... Phát lời kêu gọi này, tôi ngỗ cùng tất cả binh sĩ từ tổng binh đến quân suất, không phân biệt sĩ phu hay binh lính, bất cứ ai đáng được kể hay tiêu diệt quân cướp nước bằng thủy chiến, bằng lục chiến, hoặc chiến đấu bằng xe, bằng ngựa, bằng trâu; tìm được cách diệt tàu thủy, chiếm đồn địch; hoặc tìm được căn cứ địa kháng chiến tốt, bảo toàn được quân đội, đem lại kết quả tốt thì tôi sẽ ban thưởng tước quyền trọng hậu » (1).

(1) Tuyên cáo của Trương Định -- Bản dịch của Legrand de la Liraye (Vial dẫn trong *Những năm đầu của xứ Nam kỳ thuộc Pháp*, Pa ri, 1874). Ngoài bài tuyên cáo trên, trong người Trương Định lúc đó còn có một tờ giấy ghi tên 10.800 nghĩa quân qua đó chúng ta biết rằng lực lượng nghĩa quân đến lúc này vẫn đáng kể, và anh hùng Trương Định đang ấp ủ một kế hoạch táo bạo.

SÁU TÍNH CON ROİ DẤU TƯỞNG QUÂN (*)

Trương Định hy sinh, đó là một tổn thất lớn cho phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân ta hồi đó. Nghĩa quân Gò công mất một chỉ huy có tài, các nhóm chống Pháp khác mất một người bạn chiến đấu dũng cảm, và tài trí, nhân dân Nam kỳ nói riêng và toàn quốc nói chung mất một thủ lĩnh tuyệt đối trung thành với sự nghiệp chống thực dân xâm lược và phong kiến tay sai.

Nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu đã nói lên tình cảm đau xót tiếc thương vô hạn của nghĩa quân và chung của nhân dân ta hồi đó, qua nhiều bài thơ và văn tế cảm động :

*« Trong Nam tên họ nổi như cồn,
 Mấy trận Gò công nước tiếng đồn.
 Dấu đạn bay rêm tàu bạch quỷ,
 Hơi gươm thêm rạng thể hoàng môn.
 Ngọn cờ ứng nghĩa trời chưa bể,
 Cái ấn Bình Tây đất vội chôn.
 Nữ khiến anh hùng rơi giọt lụy,
 Lâm râm ba chữ điều linh hồn ».*

(*) Thơ Nguyễn Đình Chiểu.

«Gò công binh giáp Ngô chàng rùng,
Đoài Bắc trông Nam lũng thỏ thẹn.
Trên trại đồn điền hoa khóc chủ,
Dưới vòm bạo ngược sóng kêu quân.
Mây giăng Trường ốc dờng quân vắng,
Tráng xế Gò rùa tiếng đầu tan.
Mấy dặm non sông đều xững vừng,
Nạn dân ách nước để ai toan?» (1)

Hoặc :

«Ôi! trời Bến nghè mây mưa sùi sụt, thương đảng anh hùng gặp bước gian truân: đất Gò công cày cỏ ủ ê, cảm niềm thần tử hết lòng trung ái» (2).

Nhưng phong trào kháng chiến của đồng bào miền Nam không vì tổn thất lớn đó mà chấm dứt.

Sau khi chủ tướng mất, phó tướng Trịnh Quang Nghi cánh tay phải của Trương Định — tuy có tài tổ chức, nhưng chưa đủ uy tín để tập hợp và lãnh đạo phong trào (3). Tình trạng mỗi người đóng chốt một nơi, không thống nhất hành động với nhau đã xảy ra trong hàng ngũ nghĩa quân. Quản Là tự phong làm «Đại nguyên soái» đóng bản doanh tại Cần giuộc, Phan Chính cũng tự phong là «Bình Tây phó nguyên soái» và gây cơ sở

(1) Thơ diếu Trương Công Định (Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, Văn học Hà nội, 1963).

(2) Văn tế Trương Định (Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, Văn học Hà nội 1963).

(3) Trịnh Quang Nghi người tỉnh Thừa thiên (Trung kỳ), đậu tú tài, tham gia chống Pháp từ những ngày đầu. Sau khi đồn Phú thọ (do Tôn Thất Cáp cho xây khi thành Gia định thất thủ, ông cùng Phan Văn Đạt là cháu gọi ông là cậu ruột khởi binh chống Pháp. Phan Văn Đạt bị giết, ông lại theo Trương Định, được tin cậy, cử giữ chức tham tán.

ở vùng Giao loan là một vùng đất tuy rộng nhưng nghèo nằm giữa hai tỉnh Bà Rịa và Bình Thuận. Một số nghĩa quân đã rút lên Đồi Tháp Mười với Thiên hộ Dương lập căn cứ trong vùng rừng thưa cỏ rậm đầy nước, mộ thêm binh, trù thêm lương, rèn thêm gươm giáo, tích thêm súng đạn, rồi thường xuất kỳ bất ý kéo ra đánh các vùng Mỹ Tho, Tân an, Chợ lớn... Một số khác tập hợp lại dưới sự chỉ huy của Thủ khoa Huân (Nguyễn Hữu Huân) đẩy mạnh hoạt động trong các vùng Gò công, Tân an, Chợ gạo, Bình dương. Trong tình hình đó Trịnh Quang Nghi thế cô lực ít đành phải dời về Giao loan nương tựa vào Phan Chính. Tại đây, từ năm 1862 khi ba tỉnh miền Đông Nam kỳ (Gia định, Định Tường, Biên Hòa) bị giặc Pháp chiếm đóng, nhân dân các tỉnh đó có một số đã dời ra ở và đứng dưới lá cờ của Phan Chính. Từ cơ sở Giao loan các tập quân thường vẫn được phóng sâu vào khu vực địch chiếm đóng, quấy rối chúng ở Bà Rịa, Biên Hòa.

Tháng 1 năm 1865, địch bắt đầu tấn công Giao loan. Nghĩa quân bố trí sau các hàng rào gỗ kiên cố hay hạ cây rừng làm vật chướng ngại để bảo vệ căn cứ từ xa, rồi dùng đại bác và súng bắn đá chống cự kịch liệt. Nhưng nhờ có ưu thế về vũ khí, giặc chiếm đồn Giao loan, rồi thừa thắng tiến đánh hai đồn Gia lao và Gia phú giáp giới tỉnh Bình Thuận (cực nam Trung kỳ). Cũng trong thời gian đó, giặc Pháp từ Biên Hòa tiến đánh các căn cứ ở Xuân mộc, chiếm đồn Bầu cá của nghĩa quân. Bị o ép về hai mặt như vậy, đến cuối tháng đó, nghĩa quân phải rút về phía Bình Thuận là nơi đã có cơ sở từ trước để bảo toàn lực lượng.

Riêng con trai Trương Định là Trương Quyền (1), đứng trước tình hình đó, lúc đầu cũng không tránh khỏi có phút dờ dự, lo ngại cho tiền đồ phát triển của phong trào. Ông tạm thời kéo quân về căn cứ Giao loan phối hợp với Phan Chính để tiếp tục công cuộc chống Pháp. Nhưng chỉ được ít lâu ông thấy rõ Phan Chính là người ham danh chuộng lợi, không tiêu biểu cho tinh thần đấu tranh triệt để với kẻ thù. Mặt khác ông cũng thấy rõ Giao loan đất xấu, dân nghèo, lương thực thiếu không bảo đảm những điều kiện tối cần thiết của một căn cứ chống Pháp lâu dài.

Không hề chùn lòng nản chí, với quyết tâm sắt đá tiếp tục sự nghiệp yêu nước chống Pháp của cha (mặc dù khi Trương Định hy sinh ông mới tròn 20 tuổi), Trương Quyền quyết định kéo đội nghĩa binh dưới quyền — nhân dân miền Nam thường quen gọi đội quân này với cái tên thân thương « đội quân anh hai » — trước hết lên Tháp Mười, rồi qua Tây ninh gây cơ sở kháng chiến. Quyết định chọn Tây ninh để xây dựng cơ sở chống Pháp lâu dài, Trương Quyền đã rút những bài học kinh nghiệm quý báu về căn cứ địa cũ của Trương Định, và nhận thấy căn cứ Tân hòa của cha trước kia tuy có thuận lợi cho việc dựa vào dân để duy trì kháng chiến, cung cấp lương thực cho nghĩa quân, nhưng lại không có địa thế hiểm trở để khi tiến có thể công kích mạnh, lúc lùi có thể giữ chắc. Tân hòa lại nằm lọt giữa vùng đồng bằng sát ngay các căn cứ lớn của kẻ thù nên dễ bị bao vây tiêu diệt, không tiện cho việc liên hệ chặt chẽ giữa vùng rừng núi với đồng bằng. Chọn Tây ninh,

(1) Sử sách triều đình Huế ghi ông còn có tên là Trương Yên, Trương Tuệ. Phan Bội Châu trong *Việt nam vong quốc sử* cho biết ông có tên là Trương Bạch.

từ đây nghĩa quân có thể thọc sâu xuống Gia định, đánh ra Biên hòa, tỏa xuống châu thổ sông Cửu long, sau đó nhanh chóng rút về cố thủ ở vùng biên giới Việt — Khơ-me. Không những vậy, nếu cần thiết, từ căn cứ Tây ninh, nghĩa quân còn có thể ngược ra khu rừng Bình thuận (nay thuộc Tây nguyên) phát triển căn cứ kháng chiến (1).

Về lời Tây ninh, một mặt Trương Quyền ra sức dựa vào địa hình địa vật hiểm trở của núi rừng địa phương để xây dựng và củng cố căn cứ địa, mặt khác ông chủ tâm vào việc gấp rút tổ chức và xây dựng một lực lượng quân sự hùng mạnh để kịp thời đối phó với các đợt tấn công ác liệt sắp tới của kẻ thù.

Kế tục và phát huy thắng lợi đường lối của cha trước kia đoàn kết các dân tộc chống lại thù chung, Trương Quyền đã vận động các dân tộc thiểu số (ở vùng Tây ninh — Thủ dầu một) ủng hộ và trực tiếp tham gia nghĩa quân. Chính nhờ có sự ủng hộ này mà Trương Quyền đã lập được một căn cứ phụ ở vùng Tchray, Mê-ông (thuộc Thủ dầu một), tạo điều kiện cho nghĩa quân đẩy mạnh hoạt động sau này. Ngọn cờ chống Pháp của Trương Quyền hiên ngang bay trên dải đất bao la từ Tây ninh, Trảng bàng, chạy dài đến Gia định.

Đêm 23 rạng sáng ngày 24 tháng 6 quân khởi nghĩa đánh đồn Thuận kiều cách Sài gòn chỉ có 20 cây số. Để chia xẻ bớt lực lượng địch, quân ta còn phá nhà bưu điện, rồi vừa la hét vang trời để áp đảo tinh thần địch,

(1) Sau khi ba tỉnh miền Tây Nam kỳ bị giặc chiếm, một số sĩ phu yêu nước như Nguyễn Thông, Trà Quý Bình, Phạm Ngọc Quang, Trương Gia Hội... dời ra Bình thuận (Trung kỳ) lập Đồng châu xã, Đồng châu quan, dựng căn cứ Tỉnh linh ở Đồng nai thượng (Tây nguyên ngày nay), chuẩn bị lực lượng đánh Pháp.

vừa dũng cảm đột nhập đồn tiêu diệt địch. Sau khi đã làm mưa làm gió trên chiến trường suốt đêm, đến sáng quân khởi nghĩa an toàn rút khỏi đồn, trước khi địch tiếp viện quân từ Hóc-môn lên. Cũng đêm đó, quân ta vừa tập kích đồn Trảng bàng giữa Sài-gòn và Tây ninh, vừa hoạt động du kích mạnh mẽ xung quanh Chợ lớn nơi được giặc Pháp canh phòng cẩn mật.

Trước tình hình đó, giặc Pháp lờng lộn tìm cách đối phó. Biết chắc Trương Quyền đóng quân ở tổng Cầu an hạ giữa bưng Tầm lạc và sông Vàm cỏ đông trên đường Sài gòn — Tây ninh, chúng quyết định mở một cuộc tấn công quy mô vào căn cứ nghĩa quân. Nắm được ý đồ của kẻ thù, Trương Quyền chủ động phân tán lực lượng, cùng một lúc đánh theo ba hướng buộc địch bị động đối phó không thực hiện được kế hoạch tập trung lực lượng để tiêu diệt nghĩa quân trong một trận quyết định. Nhằm đánh lạc hướng giặc, cánh thứ nhất thọc xuống Bình điền (trên đường Chợ lớn đi Mỹ tho), cánh thứ hai tiến lên phía sông Bến nghé trong khi cánh thứ ba chủ lực do đích thân Trương Quyền chỉ huy lại chuyển gập lên Trảng bàng bất ngờ đánh địch một trận.

Sau thắng lợi đó, nghĩa quân đã chuyển từ thế bị động sang thế chủ động, không những không tránh sự truy lùng của địch mà còn luôn luôn bám sát chúng để chờ thời cơ giáng một đòn quyết định. Đúng trưa ngày mùng 2 tháng 7 một trận ác chiến đã xảy ra ở Trà - vang (trong khu rừng Bắc Tây ninh). Giặc Pháp phải mở đường máu rút về Tây ninh. Nghĩa quân kịp thời truy kích sau lưng kết hợp với đón đường phục kích quyết liệt gây cho chúng nhiều tổn thất nặng nề, rồi thừa thắng đến đêm hôm sau (3-7) lọt vào tận trong lòng Tây ninh đốt phá các công sở địch và nhà của bọn tay sai của chúng. Tiếp sau trận Trà vang nổi tiếng, nghĩa quân liên tiếp tấn công

vào các vị trí địch ở Củ chi, Hóc môn, Trảng bàng (7-7). Long trì ở Tân an (8-7)... và đặc biệt là trận Bình thời (Gia định). Nghĩa quân trong chiến đấu đã linh hoạt vận dụng chiến thuật du kích, lòi địch đằng đông, kéo địch đằng tây, buộc chúng phải chia xẻ lực lượng ở nhiều nơi để đối phó, ăn không ngon ngủ không yên, ngày đêm nơm nớp lo bị tiêu diệt.

Chính kẻ thù đã phải xác nhận tình hình bi đát của chúng như sau :

« Trong giai đoạn chiến tranh này, điều đáng chú ý là kẻ thù của chúng ta đã biết hoạt động khéo léo, có ý chí cương quyết và sử dụng thành thạo các súng ống xưa nay họ chưa từng có. Từng lúc du kích kéo đến quấy rối các vị trí tiền tiêu hay xóm làng ta đóng, họ núp ở các con đường hẻm quân ta đi qua để nhắm bắn vào những người chỉ huy... Những điều ấy tạo ra một tình thế mới rất nguy hiểm cho quyền thống trị của chúng ta » (1).

Trong lúc nghĩa quân Trương Quyền đang trên đà thắng lợi lớn như vậy thì phong trào vũ trang kháng Pháp của Thiên Hộ Dương (Đồng Tháp Mười), Nguyễn Trung Trực và Đỗ Thừa Long, Đỗ Thừa Tự (Rạch giã), Thủ khoa Huân (Tân an — Mỹ tho)... cũng sôi nổi khắp Nam kỳ. Nhưng đúng vào lúc đó, lợi dụng thái độ hạc nhược của vua quan triều Nguyễn, và sau khi bộ máy cai trị đàn áp của giặc Pháp đã được củng cố ở ba tỉnh miền đông, giặc Pháp bất ngờ kéo quân chiếm Vĩnh long (20-6), An giang (21-6), Hà tiên (24-6).

Ba tỉnh miền Tây Nam kỳ lọt vào tay giặc Pháp, phong trào kháng chiến không tránh khỏi những khó khăn ngày càng lớn. Địa bàn hoạt động của nghĩa quân bị

(1) Vial (Paulin) — Sách đã dẫn.

giặc kiểm soát, việc đi lại cũng như nguồn tiếp tế lương thực từ nay gặp muôn vàn khó khăn.

Trước hoàn cảnh đó, Trương Quyền phải chuyển về hoạt động ở vùng Soài riêng — Trảng Bàng (giữa hai con sông Vàm cỏ đông và Vàm cỏ tây) là nơi địch còn nhiều sơ hở, định kiên trì bám đất bám dân xây dựng cơ sở kháng chiến lâu dài ngay trong lòng địch. Nhưng tình thế ngày càng không có lợi. Sự liên lạc giữa các nhóm nghĩa quân ở các địa phương bị cắt đứt. Địa bàn cuối cùng của nghĩa quân thu hẹp lại từ Tây ninh đến biên giới Việt — Khơ-me. Đã thế, song song với các cuộc hành quân tiêu diệt của quân đội Pháp, chúng còn võ trang cho các nhóm phản động trong vùng liên tiếp mở các cuộc tấn công quy mô vào nghĩa quân.

Trước tình thế bất lợi đó, Trương Quyền buộc phải phân tán hoạt động. Ông kéo quân về Suối Giây phía bắc rừng Tây ninh. Nhưng giặc Pháp, nhờ có do thám chỉ đường, đã mở một cuộc tấn công bất ngờ vào ngày 28 tháng 7 năm 1867. Trương Quyền và các người tùy tùng chiến đấu quyết liệt, cuối cùng để bảo toàn lực lượng, ông phải rút về vùng châu thổ sông Cửu long. Trên đường vượt sông Cửu long xuống miền Hậu giang phối hợp với các nhóm nghĩa quân ba tỉnh miền Tây do Phan Tôn và Phan Liêm cầm đầu để gây dựng lại phong trào, quân ông bị giặc phục kích. Một trận giao chiến ác liệt đã diễn ra. Trương Quyền chẳng may bị trúng đạn rồi trút hơi thở cuối cùng bên bờ sông Cửu long vừa đúng 23 tuổi, đang độ tài năng phát triển và cũng giữa lúc phong trào chống Pháp của đồng bào miền Nam vượt qua muôn trùng gian khổ đang có những hứa hẹn mới.

Trương Quyền hy sinh, nhưng ngọn cờ kháng chiến của ông vẫn được tiếp tục giương cao. Thái Văn Nhịp ở Mỹ tho ; anh em Đỗ Thừa Long, Đỗ Thừa Tự ở Tân an

và Rạch giá từ 1868 đến 1871; Rồi Phan Tông ở miền Ba tri (Bến tre) từ 1869 đến 1870; Lê Công Thành, Phạm Văn Đồng, Lâm Văn Lễ, Âu Dương Lân ở Vĩnh Long, Long Xuyên, Cần thơ năm 1872; Trần Văn Thanh ở Bãi Thửa giữa các tỉnh Hà Tiên, Châu Đốc, Rạch Giá, Long Xuyên năm 1873; Nguyễn Xuân Phụng, Đoàn Công Bửu, Lê Tấn Kế, Trần Công Bình ở Trà Vinh năm 1874 — 1875. Sang năm 1875, Thủ khoa Huân sau khi bị thực dân Pháp đày ra hải đảo trở về đã nổi dậy ở Tân An, Mỹ Tho. Một chiến công oanh liệt thời kỳ này, Nguyễn Trung Trực chỉ huy một toán nghĩa quân từ căn cứ Hòn Chông trong đêm tối bí mật kéo tới chớp nhoáng tấn công tiêu diệt đồn Kiên Giang (Rạch Giá) ngày 16 tháng 6 năm 1868. Cho đến năm 1885, Phạm Văn Hớn (Quần Hớn) và Nguyễn Văn Bường (Đề Bường) còn xây dựng căn cứ địa ở vùng Bà Diêm, Hóc Môn và mười tám thôn Vườn Trầu, liên tục tập kích các đồn lẻ giặc và giết chết tên cường hào đại gian ác độc phủ Ca. Đề cuối cùng từ những năm đầu của thế kỷ XX, phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân miền Nam — cùng với sự phát triển chung của phong trào toàn quốc — đã bước vào một giai đoạn mới với nội dung và hình thức đổi mới.

Thật đúng với lời tuyên bố danh thép mà anh hùng Nguyễn Trung Trực đã hiên ngang ném vào mặt quân thù khi chúng ra sức uốn lưỡi cú diều tìm cách dụ dỗ, mua chuộc: « *Chừng nào làm hết cỏ đất này, đàn Nam mới hết người đánh Tây* ».

∴

Từ giữa thế kỷ XIX, thực dân Pháp đã trắng trợn nổ súng đánh chiếm miền Nam ruột thịt nước ta.

« Mặc dầu bọn vua chúa ươn hèn, mặc dầu địch đang chiến ưu thế và mặc dầu chế độ quân chủ đã làm cho

dân chúng quen lạnh nhạt, bàng quan, dân chúng cũng không thể chịu ách ngoại bang mà không bền bỉ chống lại. Lúc mới thấy các tàu chiến lớn và súng ống tinh xảo thì ngạc nhiên, nhưng khi cảm giác đầu tiên ấy đã qua thì những người yêu nước Việt nam liền tổ chức đấu tranh » (1).

Chính Đồn thực dân xâm lược đã phải xác nhận rằng « chưa có một dân tộc nào dám tổ chức kháng chiến trong một tình trạng nguy nan như thế » (2).

Nhưng vượt qua muôn trùng gian khổ, bằng nhiệt tình yêu nước sục sôi của mình, bằng đầu óc mưu trí, sáng tạo của mình, nhân dân ta hồi đó đã tiến hành một cuộc kháng chiến thần thánh cho Độc lập, Tự do, giáng trả kẻ thù những đòn sấm sét gây cho chúng nhiều tổn thất nặng nề, buộc chúng có lúc đã phải thối chí nản lòng.

Phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược cuối thế kỷ XIX của nhân dân miền Nam với đỉnh cao của nó là khởi nghĩa Trương Định có ảnh hưởng sâu rộng đến nhân dân cả nước đã đành, tiếng vang của nó còn lan xa, ảnh hưởng của nó còn tỏa rộng ra nhiều nơi trên thế giới.

Đặc biệt thú vị là một thủy thủ Nga đã đặt chân tới miền Nam Việt nam vào năm 1863 — vào đúng thời kỳ gay go của cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược để bảo vệ độc lập dân tộc — đã nói lên mối đồng tình và lòng cảm phục sâu sắc với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân miền Nam chống xâm

(1) Nguyễn Ái Quốc — *Cuộc Kháng Pháp* (trong *Đầy « công lý » của thực dân Pháp ở Đông dương / Sự thật*, Hà nội, 1962).

(2) Nguyễn Ái Quốc dẫn lời của phó đô đốc Réveillère (trong tác phẩm trên).

lược Pháp. Đây là những lời tố cáo danh thệp tội ác đẫm máu của bè lũ xâm lược :

« *Dọc theo bờ sông có nhiều làng bị tàn phá và thiêu trụi. Những ngôi nhà cháy dở đứng tiêu điều trên bờ sông. Những cánh đồng lúa thẳng cánh cò bay chạy tít tận chân trời. Song tất cả những cánh vật đó đều hoang vắng, chết chóc, những ngôi nhà thì vô chủ vì dân chúng đã bỏ đi rồi, họ để lại ở đó tất cả, trơ vơ khi của mình là ngọn gió hoặc cây riu (1).*

Và đây là lòng dũng cảm của những người Việt nam :

« *Người Việt cho rằng bị địch bắt làm tù binh là một sự ô nhục, và nếu được thả (điều này xảy ra rất hiếm hoi) thì anh ta kiêu hãnh đòi được chết* » (1). « *Sau một cuộc độ súng ngắn ngủi, khoảng chừng mười người Việt bị bắt làm tù binh. Viên sĩ quan trong lúc hăng máu đã ra lệnh treo cổ tất cả bọn họ. Chín người đã bị treo cổ lên cây. Sắp đến lượt người thứ mười là một chú bé trạc 16 tuổi... Viên sĩ quan người An-giê-ri động lòng thương hại và ra lệnh để chú bé lại. Nhưng chú thiếu niên đã kiêu hãnh đòi được chết!* » (2).

Cũng như trong một thiên truyện vừa có tinh chất tự thuật của ông năm 1895, Xta-ni-u-cô-vich đã nói về anh hùng Trương Định với tấm lòng cảm phục không bờ bến. Tác giả đã miêu tả cuộc tập kích của quân Pháp vào đồn Gò công nhưng không kết quả vì nghĩa quân đã chủ động rút khỏi căn cứ từ trước để bảo toàn lực lượng : « *Ban đêm Trương Định cùng với binh sĩ của*

(1) K.M. Xta-ni-u-cô-vich (1842 — 1903) — *Những người Pháp ở Nam kỳ (Tuyển tập Hải quân, số 2 và 3 năm 1864).*

(2) K.M. Xta-ni-u-cô-vich — *Vòng quanh thế giới trên con tàu "Diễn hâu" — Mát-xcô-va, 1956.*

mình đã rút khỏi căn cứ. Như vậy là trận cán đỏ bị thất bại hoàn toàn » (1).

Nhưng vẫn chưa hết ! Ở cách chúng ta một nửa quả địa cầu, và mặc dù không có điều kiện đặt chân tới đất nước ta để được mắt thấy tai nghe người thật việc thật, người thầy vĩ đại của cách mạng Cu-ba là *Hô-xê Mác-ti* (1853 — 1895), trong thời gian sống lưu vong ở Nữu-uớc (năm 1889), đã dựa vào một số tư liệu rút ra từ báo chí thời đó để viết truyện *Chuyến đi qua đất nước Việt nam*, trong đó có nói tới cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp của nhân dân ta cuối thế kỷ XIX với một lòng căm phẫn. « *Những người Việt nghèo khổ đó, những người sống bằng cá, bằng lúa gạo, và mặc vải lụa, ở xa lắm, tận châu Á, bên bờ biển Nam hải, đồng thời cũng là những người can đảm nhất, đã chiến đấu và sẽ chiến đấu » (2).*

Nhưng cuối cùng khởi nghĩa Trương Định — cũng như toàn bộ phong trào đấu tranh yêu nước chống xâm lược Pháp của nhân dân miền Nam cuối thế kỷ XIX — đã thất bại. Sự thất bại đó có nhiều nguyên nhân, nhưng một nguyên nhân cơ bản là do triều đình phong kiến sợ giặc, mang nặng tư tưởng thất bại chủ nghĩa và đối lập với nhân dân nên không quyết tâm chống giặc, thậm chí còn hèn hạ bỏ rơi nghĩa quân, tìm cách phá hoại sức chiến đấu của nhân dân, tiếp tay cho kẻ thù đàn áp nhân dân ta, thôn tính đất nước ta. Đó là tội lớn của phong kiến triều Nguyễn trước lịch sử.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng, nhân nói tới cuộc kháng chiến của đồng bào Nam bộ chống thực dân Pháp xâm

(1) K.M. Xta-ni-u-cô-vích — *Vòng quanh thế giới trên con tàu « Diên hâu »*, Mát-xcơ-va, 1956.

(2) Hô-xê Mác-ti — *Tuổi vàng* (Nhà xuất bản Thanh niên, La Ha-ba-na, 1962).

lược hồi cuối thế kỷ XIX đã danh thép lên án bọn đại phong kiến cầm quyền như sau :

« Hồi tưởng cuộc chiến đấu anh dũng vô song của dân tộc Việt nam ta ở Nam bộ lúc bấy giờ, ruột gan chúng ta đau như cắt xé. Giả như triều đình lúc bấy giờ không phải ở trong tay bọn vua chúa nhà Nguyễn phản bội và đầu hàng mà ở trong tay những người kế tục sự nghiệp yêu nước và anh dũng của Nguyễn Huệ thì phong trào kháng Pháp lúc bấy giờ ở Nam bộ chắc còn mạnh mẽ hơn nhiều, nhất là đã được lãnh đạo thống nhất và kiên trì đấu tranh cho đến thắng lợi, đồng thời phong trào ấy chắc được sự ủng hộ kiên quyết của cả nước, như vậy đất Đồng nai anh dũng từ đó đã trở nên bực thành đồng ngăn chặn bọn cướp nước phương Tây xâm phạm đất nước chúng ta ở Nam bộ, và do đó, đã bảo vệ vẹn toàn độc lập và thống nhất của Tổ quốc » (1).

Một trăm năm đã qua kể từ ngày anh hùng Trương Định — người đầu tiên phát cao ngọn cờ cứu nước ở miền Nam — ngã xuống trên trường chiến đấu, mặt đối mặt với quân thù. Ngày hay ôn lại sự nghiệp hiển hách của người xưa cũng là một dịp để chúng ta càng thấm nhuần thêm sâu sắc tinh thần yêu nước, đoàn kết chiến đấu, anh dũng hy sinh đã được hình thành và bồi dưỡng mạnh mẽ trong quá trình lịch sử lâu dài và oanh liệt của dân tộc. Có thể nói rằng khởi nghĩa Trương Định (1861 — 1864) là màn đầu hùng tráng của một cuộc chiến tranh giải phóng kéo dài hơn một thế kỷ của dân tộc.

∴

(1) Phạm Văn Đồng — Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc (Một vấn đề về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, Nhà xuất bản Khoa học, Hà nội, 1964).

NGUYỄN TRUNG TRỰC HAI LẦN CHIẾN THẮNG OANH LIỆT

“Từ khi người Tây gây biến ở Lục tỉnh, sĩ phu và dân chúng liều mình đứng lên, kháng khái chịu chết, kẻ không biết được, như Đỗ Trinh Thoại ở Tân hòa, Nguyễn Lịch (tức Nguyễn Trung Trực) ở Tân an đều là những tấm gương chói lọi. Còn như ở chốn làng xa ngõ hẻm, những trinh phụ liệt nữ, trọng nghĩa không chịu nhục, chống giặc đến chết, chúng tôi biết được có hơn chục người. Tiếc rằng thời thế đổi đời, đường xa cách trở, sự tích không sao biết rõ được” (1).

NGUYỄN THÔNG (1827 — 1894) -

Nguyễn Trung Trực (còn có tên là Nguyễn Văn Lịch, nên thường quen gọi là **Quản Lịch** (2) vốn nhà nghèo, ngoài nghề làm ruộng còn có nghề chài lưới. Thực dân Pháp đánh chiếm nước ta, cũng như nhiều người yêu nước khác, ông đã đứng lên chiêu mộ nghĩa binh đánh giặc. Ngày 10 tháng 12 năm 1861, đội nghĩa binh do ông cầm đầu đã giáng cho giặc Pháp một đòn

(1) Nguyễn Thông — *Kỷ xuyên văn, sao (Thơ văn yêu nước Nam bộ nửa sau thế kỷ XIX, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà nội, 1973).*

(2) Còn gọi là **Quản Chơn**.

khủng khiếp làm cho chúng hết vía kinh hồn trên sông Nhật tảo.

Bọn Pháp tại thôn Nhật tảo thuộc Tân an không dám đóng trên bờ vì sợ nghĩa quân tập kích tiêu diệt. Chúng phải đất trụ sở trên tàu chiến Hy vọng đậu giữa sông, còn trên bờ thì cho nguy binh đóng làm bình phong yểm hộ khi cần thiết. Năm vững tinh hình đó, Nguyễn Trung Trực một mặt bố trí một toán nghĩa quân mai phục trên bờ để giam chân bọn nguy binh, mặt khác cho một toán khác tới gần thôn Nhật tảo khiêu khích như bọn Pháp trên tàu lên bờ. Mặc mưu « lừa hồ ra khỏi núi », tên chỉ huy tàu cho một toán quân rời tàu lên bờ đuổi đánh nghĩa quân. Thời cơ đã tới, Nguyễn Trung Trực dẫn đầu 5 chiếc thuyền mũi che kín — trong thuyền có giấu nghĩa quân — chèo lại gần tàu Pháp xin giấy thông hành như các thuyền buôn khác qua lại thường làm. Giặc Pháp trên tàu hoàn toàn mất cảnh giác. Khi thuyền nghĩa quân vừa cập sát tàu Pháp thì Nguyễn Trung Trực cùng các chiến sĩ nhất tề vung gươm nhảy sang. Bọn Pháp trở tay không kịp, một số bị chém chết ngay, một số cuống cuồng nhảy xuống sông chìm ngấm, còn một số chui vào lòng tàu cố thủ. Nghĩa quân dùng búa đập phá nền tàu không chuyển, họ bèn phóng lửa đốt cháy trụ tàu, tiêu diệt toàn bộ số quân Pháp còn lại trên tàu. Cùng lúc đó, bộ phận nghĩa quân mai phục trên bờ cũng tiêu diệt gọn bọn nguy quân.

Thực dân Pháp phải công nhận rằng chiến thắng oanh liệt ở Nhật tảo là một biến cố đau đớn đối với chúng và làm cho tinh thần người Việt phấn khởi.

Sau chiến thắng Nhật tảo, Nguyễn Trung Trực được triều đình cử đi trấn nhậm vùng Hà tiếu.

Đến khi ba tỉnh miền Tây thất thủ (1867) triều đình lại thăng ông làm lãnh binh và ra lệnh cho ông dời quân

ra Phú yên, nhưng ông không đi, cương quyết ở lại tiếp tục cùng nhân dân chống Pháp. Miền An giang, Hà tiên hẻo lánh cùng với đảo Phú quốc ngoài khơi đã được Nguyễn Trung Trực và nghĩa quân xây dựng thành căn cứ chống Pháp. Hòn Chông nằm trên bờ biển được chọn làm trung tâm căn cứ: Từ đây nghĩa quân có thể mở rộng địa bàn hoạt động, kiểm soát cả miền biển phía tây, và rút ra Phú quốc khi cần thiết.

Trước lực lượng nghĩa quân ngày càng mạnh, giặc Pháp hết sức lo ngại. Chúng tăng cường đồn Kiên giang, biến đồn này thành một căn cứ quan trọng ở miền tây hòng phá vỡ các cơ sở nghĩa quân trên bộ, đồng thời có thể dùng làm bàn đạp tấn công Hòn Chông. Biết rõ âm mưu giặc, Nguyễn Trung Trực một mặt ra sức vận động nguy binh trong đồn, mặt khác gấp rút chuẩn bị lực lượng.

Ngày 15 tháng 6 năm 1868, từ Hòn Chông ông đem hơn trăm nghĩa quân dùng thuyền đi men theo bờ biển bí mật đổ bộ lên vùng Trà niên, rồi kéo quân về bao vây đồn Kiên giang.

Được nhân dân địa phương giúp đỡ, trên đường hành quân, nghĩa quân đã bắt sống và tiêu diệt gọn những tên chó săn của địch, vì vậy bọn Pháp trong đồn hoàn toàn không hay biết gì về nguy cơ sắp tới. Bốn giờ sáng ngày 16 tháng 6 năm 1868, thừa lúc địch đang ngủ say, việc canh gác sơ hở, nghĩa quân bí mật trèo tường lọt vào đồn, rồi dùng giáo mác tiêu diệt địch. Bị đánh bất ngờ, chúng không kịp trở tay đối phó. Chủ tỉnh Rạch giá, đồn trưởng Kiên giang đều bị giết chết ngay từ đầu. Như rấn mất đầu, quân Pháp hết sức hoảng sợ, hỗn loạn, không tên nào có đủ thì giờ và can đảm để lên đạn lần thứ hai. Nguy quân trong đồn đã được vận động từ

trước cũng hằng hải tham gia chiến đấu với nghĩa quân. Cuộc chiến đấu kết thúc nhanh chóng, toàn bộ quân Pháp trong đồn bị tiêu diệt gọn, hơn một ngày sau địch ở các đồn khác mới biết tin khùng khiếp này.

Một nhà thơ đương thời là Huỳnh Mẫn Đạt đã ca ngợi Nguyễn Trung Trực :

*Hoa hồng Nhật tảo oanh thiên địa,
Kiếm bạt Kiên giang khắp quỷ thần.*

Dịch :

*Lửa hồng Nhật tảo rung trời đất,
Kiếm tuốt Kiên giang khóc quỷ thần.*

Tháng 9 năm 1868, ông thua trận ở Phú quốc và bị giặc Pháp bắt đưa về Sài gòn. Địch cố dụ hàng, nhưng ông khảng khái cự tuyệt. Những tên thực dân Pháp có dịp tiếp xúc với ông trong những ngày cuối cùng của cuộc đời đã buộc phải có những nhận xét tốt đẹp và đầy cảm phục như sau : « Trực có bộ mặt thông minh và có thiện cảm..., ông đã tỏ ra có nhiều bản lĩnh xừng đảng và tinh thần kiên quyết » (1). Cuối cùng chúng xử tử ông vào ngày 27 tháng 10 năm 1868. Trước khi tên đao phủ vung gươm, ông bình tĩnh vén tóc gáy bảo chém cho trúng, cho mạnh, khi đầu rơi ông còn giơ tay hứng lấy đặt lại như cũ rồi thân mới ngã xuống. Thái độ hiên ngang của ông làm cho đồng bào có mặt trong buổi xử tử vô cùng cảm kích, còn kẻ thù thì khiếp đảm. Truyền

(1) Vial (Paulin). Sách đã dẫn.

rằng trước giờ hành hình, ông có làm bài thơ tuyệt mệnh :

*« Thư kiếm tòng nhưng tự thiếu niên,
Yên gian đảm khí hữu long tuyền.
Anh hùng nhược ngộ vô chung địa,
Bão hận thâm cừu bất đãi thiên ».*

Dịch :

*Theo việc binh nhưng thuở trẻ trai,
Phong trần hăng hái tuốt gươm mài.
Anh hùng gặp phải hồi không đất,
Thù hận chan chan chẳng đợi trời.*

THỦ KHOA HUÂN BA LẦN CHỐNG PHÁP

Nguyễn Hữu Huân, người xã Tĩnh Giang, phủ Kiến Hưng, tỉnh Định Tường (sau đổi là làng Tĩnh Hà, huyện Kiến Hưng, tỉnh Mỹ Tho). Thuở trẻ học giỏi nổi tiếng, ông thi đậu giải nguyên (đầu cử nhân) trường Gia Định khoa Nhâm tý (1852) đời Tự Đức thứ 5 nên thường gọi là thủ khoa Huân, và được bổ nhiệm chức giáo thụ, phụ trách việc dạy học ngay tại phủ nhà.

Khi giặc Pháp bắt đầu nổ súng xâm lược (1859), Nguyễn Hữu Huân đã biểu lộ mối căm phẫn chính đáng của một nhà văn thân thiết tha yêu nước bằng hành động anh dũng đứng dậy chống giặc. Ông đã đứng ra mộ quân khởi nghĩa, và được giữ chức phó quân đạo. Sau đó ông bị giặc bắt, rồi lại thả ra để tìm cách mua chuộc, lung lạc. Nhưng trước việc giặc Pháp trắng trợn chiếm đóng các tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa, Vĩnh Long và triều đình Huế phản bội ký hàng ước bán nước ngày mồng 5 tháng 6 năm 1862 nhượng đứt 3 tỉnh miền Đông cho giặc, ông lại tiếp tục mộ quân chiến đấu chống quân thù.

Năm 1863, ông đã cùng một số đồng chí tập hợp nghĩa quân chống Pháp ngay sau lưng giặc tại vùng Mỹ Tho đã bị chiếm đóng. Nghĩa quân hoạt động mạnh suốt một dải từ Cai Lậy (Mỹ Tho) đến Mỹ Quý (Sa Đéc), gây cho địch và tay sai nhiều thiệt hại nặng nề. Nhưng

tháng 6 năm 1863, sau trận thất bại ở Thuộc nhiều, Nguyễn Hữu Huân phải bỏ Mỹ Tho chạy sang Châu đốc là vùng còn tự do. Triều đình ngày càng lộ rõ bộ mặt phản phúc làm tay sai cho giặc nên lúc này không những đã không ủng hộ người yêu nước trong cơn nguy khốn, mà còn muốn mặt thừa cơ hội bắt giam ông vì « tội » đã không tuân theo lệnh bãi binh ban bố sau khi hàng ước được ký kết.

Giặc Pháp nghe tin đó liền buộc quan lại triều đình chiếu theo điều khoản trao đổi tù nhân trong hàng ước 1862 mà giao nạp lãnh tu nghĩa quân cho chúng. Triều đình Huế trên con đường sa đọa cùng cực đã không từ bỏ một hành động đốn mạt nào nên đã nỡ đem nộp ông cho Pháp mang về Sài Gòn giam giữ, rồi đến năm 1864 thì đày ra đảo Rê-uy-ni-ông giữa Ấn độ dương.

Việc triều đình nộp ông cho giặc đã gây một luồng căm phẫn sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân bởi đó.

Tháng 6 năm 1867, giặc Pháp nổ súng chiếm nốt ba tỉnh miền Tây còn lại, liền sau đó lo củng cố bộ máy thống trị toàn Nam kỳ để đặt cơ sở cho việc khai thác vơ vét lâu dài về sau. Để việc thực hiện âm mưu trên được dễ dàng, chúng thấy cần thi hành một số biện pháp mua chuộc, hồng xoa dịu tình thần đấu tranh bất khuất của dân chúng. Việc thả chỉ huy nghĩa quân Nguyễn Hữu Huân từ hải đảo về năm 1868 cũng nằm trong âm mưu mua chuộc lung lạc đó. Nhưng giặc và tay sai đã hoàn toàn thất bại! Ngay khi mới được thả ra, thấy trong sổ bìa hạn cũ có người đã cam tâm ra làm việc với Pháp, ông đã có bài thơ vừa thống thiết chê trách họ, vừa khẳng định tấm lòng son sắt của mình đối với dân với nước :

*« Áo Hán nhiều phần thay vẻ lạ,
Rượu Hồ một mặt đắm mồi ngon »*

Được ít lâu, Nguyễn Hữu Huân lại chiêu mộ binh sĩ, tổng cộng trên dưới 3000 người, kéo cờ khởi nghĩa. Trong hàng ngũ nghĩa quân lần này có khá đông văn thân lục tỉnh tham gia, như cử nhân Âu Dương Lâu người xã Phú cát, cũng thuộc phủ Kiến hưng, tỉnh Định Tường (1). Địa bàn hoạt động của nghĩa quân là cả tỉnh Định Tường, chủ yếu là vùng từ Tân an qua Mỹ tho. Nghĩa quân đặt tổng hành dinh tại làng Long trì, ra sức vận động lính ngụy trong hàng ngũ địch rồi tiến đánh Mỹ tho, và được nhân dân các địa phương nhiệt liệt hưởng ứng. Nhưng tình hình đến lúc này đã chuyển biến có lợi cho địch, bộ máy thống trị của chúng đã tương đối vững đề có thể dồn lực lượng vào việc đàn áp các cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ. Mặt khác, triều đình Huế sau lúc ký hàng ước nhục nhã lần thứ hai năm 1874 khi Pháp tiến đánh Bắc kỳ lần thứ nhất đã tiến sâu thêm một bước nữa vào con đường khuất phục và cấu kết với giặc, nên đã hoàn toàn bỏ rơi phong trào chống Pháp của miền Nam. Vì vậy cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Hữu Huân cuối cùng cũng bị thất bại. Thủ khoa Huân bị bắt vào đầu năm 1875. Thấy ông có rất nhiều uy tín trong dân chúng, giặc Pháp mặc dù đã thất bại hai lần trong âm mưu mua chuộc, lần này lại cho tay sai tới uốn lưỡi củ diều hồng lung lạc mua chuộc người anh hùng. Nhưng trước sau ông vẫn tỏ rõ một lòng yêu nước thiết tha, một chí căm thù giặc sâu sắc. Vấp phải thái độ cứng rắn của ông, giặc cùng đường phải lên án xử tử ông.

Tại địa điểm xử tử (chợ Thân trong thuộc vùng Bến tranh, xã Phú cát là nơi quê ông, giữa đường Tân an —

(1) *Âu Dương Lâu*: đậu cử nhân khoa Mậu ngọc (1858) đời Tự Đức, giữ chức tri huyện; cha là *Âu Dương Lân*, đậu cử nhân khoa Nhâm dần (1842) đời Thiệu Trị và làm đến chức giáo thụ.

Mỹ tho), không chịu để giặc chèn ép, ông đã cầm lái tự tử. Quân giặc điên cuồng chặt đầu ông rồi bêu lên vào ngày 15 tháng 5 năm Ất Hợi (6-1875). Còn đồng chí của ông là Âu Dương Lâu thì trước đó cũng đã bị giặc bắt chém. Hành động yêu nước lẫm liệt của Nguyễn Hữu Huân đã không vì tù đầy, mua chuộc, khủng bố của kẻ thù mà ngừng chiến đấu, cũng như thái độ hiên ngang bất khuất của người anh hùng trước cái chết đã kích động sâu sắc lòng cảm phục của nhân dân toàn quốc.

Ngay sau khi ông mất, văn thơ ca tụng ông rất nhiều :

I

*Ruổi dong vó ngựa báo thù chung,
Bình bại cho nên phải mạng cùng.
Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ,
Hơn thua sá kể với anh hùng.
Không hàng, đầu tướng đành rơi xuống,
Cóc sợ, quân thù đã khiếp rung.
Tho thủy ngày rày pha máu đỏ,
Cồn rồng hieu hết ngọn thu phong.*

Khuyết danh

II

*« Sáu châu doanh trại rất mùi hôi,
Một gốc có từng rét vẫn tươi
Cảnh tượng ngày nay nhìn chẳng nữa,
Non sông nước cũ mộng khôn người.*

*Anh hùng thử sức nào không đất,
Hào kiệt nên công cũng có trời.
Gà gáy lưỡng thương lòng phần uất,
Long biên rày đã bụi Hồ rơi.*

Nguyễn Xuân Ôn (1)

Năm 1945, sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, nhân dân tỉnh Mỹ Tho đề nghị được chính quyền chấp nhận lấy tên người con ưu tú để đặt tên cho tỉnh nhà. Và một đơn vị quân đội đầu tiên được thành lập trong tỉnh cũng được vinh dự mang tên của vị anh hùng dân tộc.

(1) Lê Thuở: dịch.

PHAN VĂN ĐẠT VÀ LÊ CAO DÔNG

Phan Văn Đạt, người làng Thanh bình, huyện Tân thính, tỉnh Gia định. Ông thi đậu cử nhân, nhưng không chịu ra làm quan với triều đình sâu một, chỉ ở nhà dạy học.

Giặc Pháp hung bạo kéo tới đã không cho phép nhà vua thân yếu nước đành lòng ngồi yên, bưng tai bịt mắt trước bạo cảnh xóm làng bị tàn phá, đồng bào bị chém giết. Sau khi thành Gia định bị chiếm vào đầu tháng 2 năm 1859, từ cuối năm 1860 giặc Pháp có thêm quân tiếp viện đã tìm cách mở rộng đánh chiếm ra khắp tỉnh Gia định. Phan Văn Đạt đã cùng với tú tài trong làng là Trịnh Quang Ngự chiêu mộ nghĩa dân, sắm sanh khí giới rồi nổi dậy, một lòng bảo vệ quê hương xứ sở, ngăn chặn bàn tay đẫm máu của bè lũ xâm lược. Nhưng rồi giặc Pháp nhờ có tay sai chỉ điểm đã kéo đến vây nhà và bắt được ông. Biết trước thế nào chúng cũng sát hại mình, ông đã bí mật nhờ người tâm phúc căn dặn hai em trai Phan Thanh và Phan Thái phải lo bảo vệ và giúp đỡ các đồng chí còn lại đề tiếp tục kháng chiến, có vậy thì thù chung mới trả được mà thù riêng cũng rửa được. Quân giặc vặn hỏi mộ được bao nhiêu quân nghĩa dũng, ông không thêm trả lời. Chúng dùng cực hình tra tấn, ông lớn tiếng mắng : « Chúng bay là đồ chó lợn, nay lại dám tràn vào nước tao, giết người cướp của hiệp dân. Những điều chúng

bay làm thật là vô đạo. Tao giận sống chưa nhai được thịt chúng mày, chết sẽ làm ma thăm giúp nghĩa đảng giết hết bọn mày cho thỏa chí ».

Uy vũ không khuất phục được bậc nghĩa sĩ, cuối cùng quân giặc lấy móc sắt lớn móc họng ông rồi treo thầy trên cọc buồm tàu của chúng đậu tại chợ Cầu Ước suốt ba ngày liền (10-1861). Nhân dân khắp vùng trông thấy ai ai cũng đều vô cùng đau xót và thương tiếc, đua nhau đốt vàng hương cúng viếng.

Cùng quê tỉnh Gia định, cùng khởi nghĩa một lúc, về sau bị giặc Pháp bắt giết trong cùng một ngày, còn có nghĩa sĩ Lê Cao Dong.

Lê Cao Dong người làng Thuận Mỹ, huyện Tri Tôn, tỉnh Gia định. Khác với Phan Văn Đạt xuất thân khoa bảng, Lê Cao Dong làm nghề cày ruộng, tinh tình trung hậu, giàu lòng nhân ái.

Sau khi chiếm đóng thành Gia định (7-2-1859), giặc Pháp cố tìm cách lan rộng ra ngoài. Nhưng chúng đã vấp phải sức kháng chiến mạnh mẽ của nhân dân miền Nam. Bất chấp thái độ hoang mang, sợ địch của hệ lũ quan lại triều đình có « trọng trách » đánh giặc giữ thành, nhân dân các địa phương dưới sự lãnh đạo của một số sĩ phu văn thân yêu nước đã dũng cảm đứng dậy ngăn bước tiến của quân thù, giáng những đòn quyết liệt, gây cho chúng nhiều tổn thất nặng nề.

Trong cao trào yêu nước chống Pháp hồi đó, ngay từ cuối năm 1860, Lê Cao Dong đã cùng cử nhân Đỗ Trình Thoại (người xã Tân Long, huyện Tân Hòa, tỉnh Gia định) tập hợp nghĩa quân chuẩn bị chống giặc. Sau khi Mỹ Tho thất thủ hai tháng, ngày 22 tháng 6 năm 1861, Lê Cao Dong và Đỗ Trình Thoại đã chỉ huy 1000 nghĩa quân tiến đánh Gò Công, một trong ba căn cứ chiếm đóng quan trọng của Pháp giữa hai sông Tiền Giang và Vàm Cỏ

Trận tấn công thất bại. Đồ Trinh Thoại tử trận, nghĩa quân tan rã. Sau đó Lê Cao Dĩnh bị mất lén về nhà, tìm cách qua quân thù Biên hòa phối hợp với quân đối chính quy của triều đình mới rút về đây rất đông từ sau khi mặt trận Chi hòa tan vỡ và tình Gia định bị chiếm đóng để tiếp tục chiến đấu lâu dài. Nhưng ý định trên chưa được thực hiện thì ông đã bị bọn tay sai của giặc ở làng bèn rình bắt sống đem nộp lấy thưởng.

Giặc Pháp dùng cực hình tra khảo buộc phải khai số nghĩa dũng đã mộ, nhưng trước sau ông vẫn khẳng khái trả lời chỉ có mình ông và Đồ Trinh Thoại. Trong thời gian bị giam giữ, ông chẳng may bị ốm, giặc đưa thuốc ông lắc đầu không uống. Chúng dè ông ra đồ thuốc, óng ngòm miệng cực tuyệt. Trước sau ông chỉ nói với giặc một câu: « Tao chỉ biết có pháp luật nước tao mà thôi ! ». Rồi hướng về số đồng bào bị giặc bắt tập trung để xem chúng tra tấn, ông lớn tiếng kêu gọi: « Bà con nên nghĩ đến đất nước, chớ có theo giặc để làm hại dân ta. Nếu nghe lời thì dù có chết cũng được làm ma trung nghĩa, chớ quân giặc mọi không thể ở lâu được đất ta, chúng sẽ có ngày bị tiêu diệt hết ».

Quân giặc liền lôi ông ra chợ, bán hai phát ông đã chết, nhưng chúng còn bán bồi thêm 10 phát nữa mới thỏa dạ điên cuồng. Nhân dân trong vùng vô cùng thương tiếc người anh hùng đã hy sinh oanh liệt trước kẻ thù hung bạo.

Trong bài *Nghệ — Tinh nghĩa dũng di văn* kêu gọi nhân dân hai tỉnh đứng dậy chống Pháp cũng có nhắc đến gương sáng của hai người:

*« Thệt Văn Đạt mà xưng Cao Dĩnh
Thác nào ai hồ mặt với giang sơn »*

Danh tiếng hai ông lớn rộng, tiết nghĩa hai ông ngời sáng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- NGUYỄN ÁI QUỐC: *Đầy « Công lý » của thực dân Pháp ở Đông dương* (Sư thật, Hà nội, 1962)
- HỒ-XÊ MÁC-TI: *Chuyến đi qua đất nước người An-nam* (Tuổi vàng, Nhà xuất bản Thanh niên, La Ha-ba-na 1962).
- PHẠM VĂN ĐỒNG: *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* (xem: *Mấy vấn đề về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Khoa học, Hà nội, 1964).
- NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU: *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu* (Văn học Hà nội 1963).
- NGUYỄN THÔNG: *Thơ văn Nguyễn Thông* (Lê Thuộc và Phan Khôi Khoan dịch, Văn hóa, Hà nội, 1962)
- SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN: *Đại Nam thực lục chính biên - Đệ tứ kỷ* (Bản dịch của Viện Sử học)
- BARRIERE (LÉOPOLD PALLU DE LA): *Histoire de l'expédition de Cochinchine en 1861* (Paris, 1864)
- BOEUF (ABEL): *Histoire de la conquête de la Cochinchine 1858 - 1861* (Saigon, 1927)
- HAILLY (DU): *Souvenirs d'une Campagne de l'E.O.* (Paris, 1891).
- LOUVET (L. E): *La Cochinchine religieuse* (Paris, 1885)
- POYEN: *Notice sur l'Artillerie de la Marine en Indochine* (Paris, 1893)
- PRUD' HOMME: *Souvenirs del' expédition de Cochinchine 1862* (Paris, 1865).
- SCHREINER (A): *Abrégé de l'histoire d'Annam* (Sài gòn, 1906)
- SEPTANS (A): *Les commencements de l'I.F.* (Paris, 1887).
- THOMAZI (A): *La conquête de l'Indochine* (Paris, 1934)
- VIAL (P): *Nos premières années de la Cochinchine* (Paris, 1874)
- XTA-NI-U-CÔ-VÍCH (K. M): *Những người Pháp ở Nam kỳ*
(Tập bản Hải quân, số 2 - 3 năm 1864)
Vòng quanh thế giới trên con tàu « Điều hầu »
(Mát-xcơ-va, 1956)

MỤC LỤC

	Trang
<i>Chương I</i> — Đồng nai tranh ngôi nhuộm màu mây	7
<i>Chương II</i> — Trong Nam tên họ nổi như cồn	16
<i>Chương III</i> — Mấy trận Gò công nước tiếng đồn	22
<i>Chương IV</i> — Linh hồn nay đã tách theo thân	36
<i>Chương V</i> — Sầu tình con roi dấu tướng quân	45
<i>Phụ lục</i> — Nguyễn Trung Trực hai lần chiến thắng oanh liệt	58
— Thủ khoa Huân ba lần chống Pháp	63
— Phan Văn Đạt và Lê Cao Đồng	68
<i>Tài liệu tham khảo</i>	71

ANH HÙNG TRƯƠNG ĐỊNH

Biên tập : PHẠM ĐỨC TỰ

Trình bày bìa : PHẠM NGỌ

In 60.000 cuốn, khổ 13×19 tại Nhà in Tạp chí Học tập
38 phố Bà Triệu — Hà nội. Số in 18. Số X.B. 13-TK
Xong ngày 15 tháng 5 năm 1976. Nộp lưu chiểu tháng 5-1976.



SÁCH XUẤT BẢN NĂM 1976

- ★ Giải bài toán số học lớp Năm, Sáu
- ★ Giải bài toán hình học lớp Bảy
- ★ Phương pháp giải bài tập Vật lý — Tập II
- ★ Quang lý trong trường phò thông — Tập II
- ★ Tư liệu giảng dạy vật lý cấp III — Tập II
- ★ Tư liệu giảng dạy vật lý cấp III — Tập III
- ★ Tập nghị luận và phê bình văn học chọn lọc — Tập III
- ★ Phương pháp giảng dạy Địa lý

Sau khi cung cấp cho nhà trường sẽ bán lẻ tại :

— 57 Đường Giảng võ và 37 phố Hai Bà Trưng Hà nội.

— Phòng Phát hành Thư viện thuộc các Sở, Ty giáo dục và Phòng giáo dục huyện.

Giá : 0,16đ